

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 3/58/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 01 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 (lần 2)

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 002.000...
	Ngày: 3.07.2019
Chuyên:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Xét Tờ trình số 48/TTr-SKHĐT ngày 27/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa IX,

UBND tỉnh báo cáo và kiến nghị HĐND tỉnh xem xét phê chuẩn kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 lần 2 như sau:

I. Nguyên tắc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn:

1. Đảm bảo các nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại điều 54 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

2. Bổ sung, cập nhật các nguồn vốn theo kế hoạch Trung ương giao hàng năm và khả năng huy động thực tế của địa phương vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đảm bảo tốc độ tăng và cơ cấu chi đầu tư xây dựng cơ bản cho năm 2020.

3. Điều chỉnh giảm vốn đã bố trí của một số dự án có tiến độ triển khai chậm hoặc sau khi rà soát xác định dư vốn (do tiết giảm vốn đối ứng qua đấu thầu, ngưng chuẩn bị đầu tư, giảm trừ thanh quyết toán...). Đồng thời điều chỉnh tăng vốn cho các dự án có tiến độ nhanh và nhu cầu tăng vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2019-2020. Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, các dự án đền bù giải phóng mặt bằng và các công trình có khả năng hoàn thành giai đoạn 2016 – 2020.

4. Bổ sung một số danh mục để chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2021 – 2025, một số dự án quan trọng, cấp bách phát sinh trong quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đã có chủ trương thống nhất của Tỉnh ủy, HĐND, UBND; bố trí vốn thực hiện dự án từ các nguồn vốn kết dư, dự phòng, bổ sung theo Nghị định 120/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ.



5. Hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện bố trí cho các dự án đã đảm bảo thủ tục đầu tư và có khả năng giải ngân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. Nội dung KH điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 lần 2:

1. Về nguồn vốn điều chỉnh:

Qua rà soát khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương và sự thay đổi nguồn vốn ngân sách trung ương được giao hàng năm, dự kiến tổng nguồn vốn KH điều chỉnh đầu tư công trung hạn 2016-2020 lần 2 là 45.435 tỷ 265 triệu đồng, tăng 12.269 tỷ 564 triệu đồng so với Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2016 -2020			KHĐC 2016-2020 (Lần 2)	Tăng (+) Giảm(-)
		Theo NQ 10	Đã bố trí 2016-2019	Còn lại năm 2020		
		1	2	3=1-2	4	5=4-1
	TỔNG	33.165.701	31.122.925	2.042.776	45.435.265	12.269.564
I	Vốn cân đối NSDP	30.010.655	27.082.600	2.928.055	41.322.600	11.311.945
1	Vốn cân đối theo tiêu chí	22.506.549	17.730.352	4.776.197	22.915.655	409.106
2	Vốn từ nguồn sử dụng đất	2.504.106	2.864.648	-360.542	4.729.345	2.225.239
3	Vốn Xổ số kiến thiết	5.000.000	4.905.000	95.000	6.355.000	1.355.000
4	Kết dư nguồn CCTL 2018	0		0	1.500.000	1.500.000
5	Vốn bội chi NS địa phương	0	1.582.600	1.582.600	1.582.600	1.582.600
6	Nguồn vốn khác	0		0	4.240.000	4.240.000
II	Vốn Trung ương	3.155.046	4.040.325	-885.279	4.112.665	957.619
1	Vốn nước ngoài (ODA)	3.000.832	3.958.451	-957.619	3.958.451	957.619
3	Vốn trong nước	154.214	81.874	72.340	154.214	0

Nguồn vốn tăng thêm so với kế hoạch đầu kỳ được cân đối từ các nguồn:

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương: tăng 11.311.945 triệu đồng

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: dự kiến tăng 409.106 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: dự kiến tăng 2.225.239 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT: dự kiến tăng 1.355.000 triệu đồng.
- Bổ sung từ kết dư cải cách tiền lương năm 2018: 1.500.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương¹ tăng: 1.582.600 triệu đồng.
- Bổ sung từ nguồn vốn khác: 4.240.000 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách trung ương²: tăng 957.619 triệu đồng.

¹ TW không giao trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 mà giao trong kế hoạch đầu tư công hàng năm (năm 2017 là 350 tỷ đồng; năm 2018 là 39,4 tỷ đồng; năm 2019 là 1.193 tỷ 200 triệu đồng)

² Nguồn vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu (148 tỷ 230 triệu đồng) và vốn hỗ trợ cho người có công cách mạng về nhà ở (5 tỷ 984 triệu đồng) không thay đổi so với đầu kỳ.

- Nguồn vốn nước ngoài (ODA)³ tăng 957.619 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn lần 2:

- Bố trí tăng vốn cho 223 dự án với tổng vốn tăng 12.591 tỷ 577 triệu đồng⁴.
- Bố trí giảm vốn cho 106 dự án với tổng vốn giảm 2.805 tỷ 206 triệu đồng.
- Bổ sung danh mục 100 dự án với tổng vốn 2.497 tỷ 193 triệu đồng. Trong đó: bổ sung chuẩn bị đầu tư: 59 dự án với tổng vốn 954 tỷ 586 triệu đồng; thanh quyết toán công trình hoàn thành: 12 dự án với tổng vốn 3 tỷ 691 triệu đồng; thực hiện dự án do nhu cầu quan trọng, cấp bách 15 dự án với tổng vốn 478 tỷ 916 triệu đồng; bổ sung từ nguồn kết dư cải cách tiền lương: 14 dự án với tổng vốn 1.060 tỷ đồng.
- Ngưng bố trí 10 dự án với tổng vốn ngưng bố trí 14 tỷ đồng.

3. Dự kiến phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực:

a) Vốn ngân sách địa phương:

* **Vốn ngân sách cấp tỉnh:** 32.330 tỷ đồng (tăng 10.920 tỷ đồng), phân bổ cho 657 dự án (tăng 76 dự án so với đầu kỳ).

- Vốn tỉnh tập trung: 22.262 tỷ 830 triệu đồng (tăng 8.792 tỷ 366 triệu đồng), phân bổ cho 344 dự án (tăng 42 dự án so với đầu kỳ).

+ *Hạ tầng kinh tế:* 14.749 tỷ đồng (tăng 5.976 tỷ 356 triệu đồng), phân bổ cho 147 dự án (tăng 27 dự án).

+ *Hạ tầng văn hóa – xã hội:* 4.908 tỷ đồng (tăng 2.164 tỷ 225 triệu đồng), phân bổ cho 111 dự án (tăng 12 dự án).

+ *Quản lý nhà nước – Quốc phòng – An ninh:* 2.547 tỷ 689 triệu đồng (tăng 601 tỷ 785 triệu đồng), phân bổ cho 85 dự án (tăng 02 dự án).

- Vốn xổ số kiến thiết: 6.355 tỷ đồng (tăng 1.355 tỷ đồng), phân bổ cho 188 dự án (tăng 38 dự án).

- Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện: 3.712 tỷ 170 triệu đồng (tăng 772 tỷ 634 triệu đồng), phân bổ cho 125 dự án (giảm 04 dự án).

* **Vốn ngân sách cấp huyện:** 7.410 tỷ đồng (bao gồm: 1.060 tỷ đồng bổ sung có mục tiêu cho 14 dự án).

b) Vốn ngân sách Trung ương: Thực hiện theo phân bổ của Trung ương

4. Kiến nghị HĐND tỉnh xem xét:

³ ODA do Bộ Kế hoạch giao hàng năm giai đoạn 2016-2019 đã đạt 3.958 tỷ 451 triệu đồng

⁴ Bao gồm 1.582 tỷ 600 triệu đồng vốn bội chi ngân sách địa phương đã cấp cho dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An.



- Chấp thuận phân bổ hết số vốn dự phòng 10% nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí; chấp thuận bổ sung, cập nhật các nguồn vốn theo kế hoạch Trung ương giao hàng năm và khả năng huy động thực tế của địa phương (đối với các nguồn vốn ODA và vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương, giao UBND tỉnh linh hoạt cập nhật và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất); phê chuẩn điều chỉnh lần 2 kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo các Phụ lục đính kèm.

- Giao UBND tỉnh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công hàng năm nếu có những danh mục dự án thay đổi, bổ sung so với kế hoạch đầu tư công trung hạn mà vẫn đảm bảo nguồn vốn cân đối thì chấp thuận cho điều chỉnh và giải ngân các danh mục trong kế hoạch hàng năm và tổng hợp chung vào kỳ điều chỉnh trung hạn tổng thể tiếp theo để đảm bảo tính linh hoạt và chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công hàng năm.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Sở KHĐT(3), Sở TC;
- LĐVP, Thg, TH;
- Lưu: VT *phu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm
Trần Thanh Liêm

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
(Kèm theo Tờ trình số 3158/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐNT)		KH điều chỉnh đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/ Giảm) (+/-)
		Số dự án	Tổng vốn	Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)
	TỔNG VỐN (A+B+C)	586	33.165.701	676	45.435.265	12.269.564
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	581	27.760.000	671	41.322.600	13.562.600
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (I.1+I.2+I.3)	581	21.410.000	657	32.330.000	10.920.000
I.1	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH TẬP TRUNG (1+2+3+4+5+6+7)	302	13.470.464	344	22.262.830	8.792.366
	Hạ tầng kinh tế	120	8.772.644	147	14.749.000	5.976.356
	Hạ tầng văn hóa xã hội	99	2.743.775	111	4.908.000	2.164.225
	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	83	1.945.904	85	2.547.689	601.785
1	Các dự án thực hiện năm 2015 chuyển tiếp sang 2016-2020	114	5.258.168	125	7.811.922	2.553.754
a	Hạ tầng kinh tế	52	4.040.898	63	5.544.715	1.503.817
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	43	1.170.672	43	2.220.803	1.050.131
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	19	46.598	19	46.404	-194
2	Các dự án khởi công mới 2016-2020 hoàn thành 2016-2020	85	5.075.048	95	7.290.638	2.215.590
a	Hạ tầng kinh tế	35	3.596.041	42	5.635.174	2.039.133
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	34	733.418	38	871.826	138.408
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	16	745.589	15	783.638	38.049
3	Các dự án khởi công mới 2016-2020 hoàn thành sau 2020	13	2.209.546	30	4.341.356	2.131.810
a	Hạ tầng kinh tế	6	1.068.255	9	1.866.862	798.607
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	5	822.498	14	1.773.410	950.912
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	2	318.793	7	701.084	382.291
4	Chuẩn bị đầu tư	64	99.637	66	1.756.210	1.656.573
a	Hạ tầng kinh tế	27	67.450	33	1.702.249	1.634.799
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	17	17.187	16	41.961	24.774
c	Quản lý Nhà nước - Quốc phòng - An ninh	20	15.000	17	12.000	-3.000
5	Thanh, quyết toán công trình hoàn thành dưới 1 tỷ đồng		8.141		8.141	-
6	Danh mục các công trình mật, tuyệt mật, tối mật	26	819.924	27	1.004.563	184.639
7	Quy hoạch Kinh tế Xã hội tỉnh			1	50.000	50.000
I.2	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT (1+2)	150	5.000.000	188	6.355.000	1.355.000
1	Cấp tỉnh	10	1.673.753	12	1.646.189	-27.564
2	Cấp huyện, thị xã, thành phố	140	3.326.247	176	4.708.811	1.382.564
I.3	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN	129	2.939.536	125	3.712.170	772.634
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (II.1+II.2)	-	6.350.000	14	7.410.000	1.060.000
II.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		6.350.000	-	6.350.000	-
II.2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			14	1.060.000	1.060.000
III	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (*)				1.582.600	1.582.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (I+II) (*)	5	3.155.046	5	4.112.665	957.619
I	Vốn trong nước (1+2)	2	154.214	2	154.214	-
1	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	2	148.230	2	148.230	-
2	Vốn hỗ trợ cho người có công cách mạng về nhà ở		5.984	-	5.984	-
II	Vốn nước ngoài (ODA)	3	3.000.832	3	3.958.451	957.619
C	DỰ PHÒNG	0	2.250.655	-	-	-2.250.655
	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		2.250.655			-2.250.655

Ghi chú: (*) Vốn Bội chi ngân sách địa phương và vốn Ngân sách Trung ương thực hiện theo quyết định giao vốn của Trung ương

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
 Vốn phân cấp theo tiêu chí, vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện, vốn xã số kiến thiết
 đầu tư trên địa bàn cấp huyện phân theo địa bàn huyện, thị xã, thành phố
 (Kèm theo Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)		Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/ Giảm) (+/-)
		Số dự án	Tổng vốn	Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	267	12.615.783	301	15.830.981	3.215.198
	Vốn phân cấp theo tiêu chí		6.350.000		6.350.000	0
	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	129	2.939.536	125	3.712.170	772.634
	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	138	3.326.247	176	4.708.811	1.382.564
	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			14	1.060.000	1.060.000
1	Thành phố Thủ Dầu Một	44	2.513.337	49	3.270.235	756.898
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.053.735		1.053.735	0
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	20	920.000	19	1.307.000	387.000
1.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	24	539.602	28	789.500	249.898
1.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			2	120.000	120.000
2	Thị xã Thuận An	25	1.965.798	32	2.637.811	672.013
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.264.381		1.264.381	0
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	11	225.000	11	340.430	115.430
2.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	14	476.417	18	700.000	223.583
2.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			3	333.000	333.000
3	Thị xã Dĩ An	29	1.904.034	30	2.338.248	434.214
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.223.248		1.223.248	0
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	5	265.000	4	265.000	0
3.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	24	415.786	25	700.000	284.214
3.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			1	150.000	150.000
4	Thị xã Tân Uyên	33	1.203.971	37	1.567.503	363.532
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		485.503		485.503	0
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	18	310.000	18	355.000	45.000
4.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	15	408.468	17	537.000	128.532
4.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			2	190.000	190.000
5	Huyện Bắc Tân Uyên	20	951.069	24	1.087.499	136.430
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		422.069		422.069	0
5.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	10	260.000	10	275.000	15.000
5.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	10	269.000	13	363.430	94.430
5.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			1	27.000	27.000
6	Thị xã Bến Cát	21	1.123.803	25	1.358.033	234.230
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		518.533		518.533	0
6.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	8	247.000	8	276.500	29.500
6.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	13	358.270	16	498.000	139.730
6.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			1	65.000	65.000
7	Huyện Bàu Bàng	41	973.018	45	1.051.540	78.522
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		395.740		395.740	0
7.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	29	275.000	26	312.800	37.800
7.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	12	302.278	19	343.000	40.722
8	Huyện Phú Giáo	30	983.875	39	1.318.002	334.127
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		470.062		470.062	0
8.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	18	232.536	18	375.440	142.904
8.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	12	281.277	19	377.500	96.223
8.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			2	95.000	95.000
9	Huyện Dầu Tiếng	24	996.878	34	1.202.110	205.232
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		516.729		516.729	0
9.2	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	10	205.000	11	205.000	0
9.3	Vốn xã số kiến thiết đầu tư trên địa bàn cấp huyện	14	275.149	21	400.381	125.232
9.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện			2	80.000	80.000

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 3158/TT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)		12.642.399	316	21.200.126	8.557.727
A	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020 (A=A.1+A.2+A.3)		5.211.011	125	7.811.922	2.600.911
A.1	HẠ TÀNG KINH TẾ		4.040.898	63	5.544.715	1.503.817
A.1.1	CẤP THOÁT NƯỚC CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG		2.201.993	25	2.869.783	667.790
1	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	16.970	1	16.970	0
2	Xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Dương	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	68.000	1	68.000	0
3	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	90.000	1	90.000	0
4	Đầu nổi thoát nước cho KCN An Tây	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	22.000	1	22.000	0
5	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	60.000	1	60.000	0
6	Dự án đền bù tuyến ống nước dẫn nước thô từ hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	43.610	1	49.210	5.600
7	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn I	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	4.650	1	8.540	3.890
8	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	733.000	1	733.000	0
9	Nâng công suất nhà máy xử lý chất thải nam Bình Dương	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	44.500	1	44.500	0
10	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	85.310	1	152.025	66.715
11	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	421.445	1	658.000	236.555
12	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở NN và PTNT	202.000	1	490.000	288.000
13	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đôn	Sở NN và PTNT	400.000	1	464.000	64.000
14	Đê bao áp Phú Thuận, huyện Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	160	1	160	0
15	Cấp nước Khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị Việt Nam	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	1.223	1	1.224	1
16	Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1.600	1	2.608	1.008
17	Hệ thống tiêu nước khu công nghiệp Bình Hòa và vùng phụ cận	Sở NN và PTNT	7.525	1	7.525	0
18	Xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		1	678	678
19	Thoát nước đập Từ Vân 1, Từ Vân 2 và vùng hạ du sau đập	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		1	35	35
20	Đắp tôn cao đê bao Tân An	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		1	58	58
21	Khu tái định cư phục vụ cho việc giải tỏa trắng thuộc Dự án thoát nước và xử lý nước thải Nam Bình Dương và Dự án hệ thống thoát nước thị xã Thủ Dầu Một giai đoạn II (Dự án khu tái định cư Chánh Nghĩa)	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		1	802	802
22	Đắp tôn cao mặt đê bao áp Mỹ Hào 1 thuộc hệ thống đê bao Chánh Mỹ	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		1	165	165

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
23	Đắp tôn cao mặt đê bao ấp Mỹ Hảo 2	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương		1	52	52
24	Hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu	Sở NN và PTNT		1	93	93
25	Hệ thống tiêu nước Sóng Thần - Đồng An	Sở NN và PTNT		1	138	138
A.1.2	NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		32.120	5	50.772	18.652
26	Xây dựng cơ sở hạ tầng trang trại Đội thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	Đội Thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	1.500	1	20.000	18.500
27	Dự án cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1.605	1	1.605	0
28	Dự án cấp nước tập trung xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	9.155	1	9.155	0
29	Hệ thống cấp nước tập trung xã Định An	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	19.860	1	19.860	0
30	Mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung xã Tân Hiệp	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		1	152	152
A.1.3	GIAO THÔNG		1.806.785	33	2.624.160	817.375
31	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ đốc Cây Quéo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	UBND thị xã Tân Uyên	19.000	1	19.000	0
32	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến đốc Cây Quéo	UBND thị xã Tân Uyên	12.500	1	12.500	0
33	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	UBND thị xã Tân Uyên	95.000	1	105.000	10.000
34	Xây dựng mới cầu Tam Lập	UBND huyện Phú Giáo	3.575	1	3.575	0
35	Nâng cấp, mở rộng đường Phú An - An Tây, huyện Bến Cát (giai đoạn 1)	UBND thị xã Bến Cát	3.450	1	3.450	0
36	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	UBND thị xã Bến Cát	60.000	1	47.600	-12.400
37	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	UBND thị xã Thuận An	10.300	1	10.300	0
38	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	UBND thành phố Thủ Dầu Một	142.000	1	150.585	8.585
39	Xây dựng cầu Bà Cỏ	UBND thành phố Thủ Dầu Một	44.925	1	51.000	6.075
40	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	UBND thành phố Thủ Dầu Một	51.745	1	68.805	17.060
41	Đường dây 220KV Tân Định - Uyên Hưng thuộc địa bàn thành phố Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một	27.300	1	27.300	0
42	Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	415	1	765	350
43	Xây dựng mới cầu Thủ Biên	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.620	1	1.620	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016- 2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
44	Xây dựng cầu bê tông An Linh - An Long	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	0	1	771	771
45	Xây dựng mới cầu Bà Lụa	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	430	1	430	0
46	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749A đoạn từ ngã tư Minh Hòa đến lòng hồ Dầu Tiếng	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	0	1	587	587
47	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.025	1	1.771	746
48	Xây dựng cầu ống Cộ mới trên ĐT744	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	2.195	1	2.195	0
49	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	186.925	1	186.925	0
50	Đầu tư hệ thống thoát nước để giải quyết ngập úng vào mùa mưa tại các điểm dân cư dọc hai bên đường ĐT741	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.980	1	1.980	0
51	Khu tái định cư Phú Hòa	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	5.275	1	5.980	705
52	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	80.000	1	119.000	39.000
53	Đường ĐT744 đoạn từ cầu Ống Cộ đến Km 12+000	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	12.135	1	17.200	5.065
54	Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tinh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.160	1	1.185	25
55	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	7.355	1	19.725	12.370
56	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sứ Sao	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	57.640	1	58.270	630
57	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	93.305	1	102.000	8.695
58	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	52.935	1	53.600	665
59	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	134.000	1	236.835	102.835
60	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sĩ Tân Phước Khánh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	136.500	1	534.495	397.995
61	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	144.000	1	287.400	143.400
62	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	418.000	1	491.985	73.985
63	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749A đoạn từ ngã 3 Minh Tân đến ngã 3 Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	95	1	326	231
A.2	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		1.123.515	43	2.220.803	1.097.288
A.2.1	Y TẾ		552.520	13	1.597.219	-1.044.699
64	Trung tâm chăm sóc SKSS tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	365	1	365	0
65	Chi phí hoàn trả cho Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ TNHH một thành viên (đền bù dự án khu thương mại - dịch vụ - dân cư Định Hòa)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	2.362	1	2.510	148
66	Cải tạo, sửa chữa BV điều dưỡng và phục hồi chức năng	BV ĐD PHCN	1.336	1	1.475	139

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
67	Dự án: Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	19.600	1	19.853	253
68	Dự án: Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	1.144	1	1.144	0
69	Khu điều trị nội trú 100 giường tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	818	1	823	5
70	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế - phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	10.980	1	11.460	480
71	Dự án các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước - phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	211.650	1	213.692	2.042
72	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	31.857	1	27.950	-3.907
73	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	52.672		991.130	938.458
74	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND Tân Uyên	90.090	1	179.178	89.088
75	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	51.501	1	55.000	3.499
76	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	58.170		72.500	14.330
77	Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	19.904		19.910	6
78	Cải tạo sửa chữa khu khám bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	71	1	69	-2
79	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		1	160	160
A.2.2	GIÁO DỤC		96.584	6	96.463	-121
80	Cải tạo nâng cấp khối hiệu bộ, xây mới khối hội trường, trạm biến áp, nhà xe gắn máy Trường Chính trị	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	168	1	168	0
81	Đầu tư trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015	Sở GDĐT	350	1	350	0
82	Dự án: Đầu tư nghề trọng điểm GD 2011-2015 nghề điện dân dụng – cấp độ quốc gia.	Trường CĐN Việt Nam - Hàn Quốc BD	1.404	1	1.404	0
83	Nhà xưởng Thực hành Trường TCN Việt - Hàn Bình Dương	Trường CĐN Việt Nam - Hàn Quốc BD	20.418	1	20.297	-121
84	Trường TH Hưng Hòa	UBND Bàu Bàng	20.000		20.000	0
85	Xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội Nông dân tỉnh	Hội Nông dân	448	1	448	0
86	Trường tiểu học Minh Thạnh (NST)	UBND Dầu Tiếng	10.000		10.000	0
87	Trường mầm non Long Hòa (NST)	UBND Dầu Tiếng	10.256		10.256	0
88	Trường Tiểu học Thới Hòa	UBND Bến Cát	1.540	1	1.540	0
89	Trường tiểu học Uyên Hưng B	UBND Tân Uyên	32.000		32.000	0
A.2.3	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		138.784	6	145.511	6.727

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
90	Dự án: Ứng dụng CNTT tại khu hành chính mở tỉnh Bình Dương	Sở Thông tin Truyền thông	1.352	1	1.352	0
91	Ứng dụng CNTT tại BV điều dưỡng và Phục hồi chức năng BD	BV ĐD PHCN	1.078	1	1.079	1
92	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên Môi trường	17.500	1	16.250	-1.250
93	Trường quay - nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	118.338	1	126.314	7.976
94	Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 1	Báo Bình Dương	108	1	108	0
95	Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 2	Báo Bình Dương	408	1	408	0
A.2.4	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		5.830	1	5.830	0
96	Trang thiết bị cho Trung tâm Tin học và Thông tin khoa học công nghệ	Sở KH CN	5.830	1	5.830	0
A.2.5	VĂN HÓA		295.551	14	340.017	44.466
97	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	265.943	1	305.120	39.177
98	Trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử Rừng Kiển An	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	781	1	781	0
99	Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công công trình Cổng chào tỉnh Bình Dương	Sở VH TTDL	98	1	98	0
100	Ứng dụng CNTT tại SVH TTDL	Sở VH TTDL	113	1	90	-23
101	Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh	Sở VH TTDL	1.000	1	852	-148
102	Trùng tu tôn tạo di tích Nhà tù Phú Lợi (Cấp phát 1.499 triệu đồng từ NSTW)	Sở VH TTDL	1.000	1	6.000	5.000
103	Cổng chào tỉnh Bình Dương	Sở VH TTDL	1.000	1	1.000	0
104	Đoàn Văn Công tỉnh Bình Dương	Sở VH TTDL	211	1	211	0
105	Cổng-Tường rào Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương	Sở VH TTDL	280	1	280	0
106	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Dương	Sở VH TTDL	700	1	1.000	300
107	Khu Trung tâm quần thể tượng đài thuộc khu Di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt	Sở VH TTDL	22.000	1	22.160	160
108	Xây mới, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Thư viện tỉnh thuộc phạm vi giải tỏa để thi công đường vào Trung tâm hành chính tỉnh	Sở VH TTDL	1.300	1	1.300	0
109	Cải Tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục của Nhà thiếu nhi (Giai đoạn 1)	Tỉnh đoàn Bình Dương	839	1	839	0
110	Cải Tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục của Nhà thiếu nhi (Giai đoạn 2)	Tỉnh đoàn Bình Dương	286	1	286	0
A.2.6	XÃ HỘI		34.246	3	35.763	1.517
111	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	Sở LĐTBXH	28.013	1	29.530	1.517
112	Dự án Cải tạo, sửa chữa, xây mới Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Bình Dương	Trung tâm DVVL tỉnh	4.780	1	4.780	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
113	Trung hỗ trợ Thanh niên công nhân và Lao động trẻ tỉnh Bình Dương	Tỉnh đoàn Bình Dương	1.453	1	1.453	0
A.3	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC-QPAN		46.598	19	46.404	-194
A.3.1	QUỐC PHÒNG		4.301	16	4.104	-197
114	Xây dựng hồ bơi và cầu lạc bộ quân nhân Lữ đoàn 429 – Bộ Tư lệnh đặc công	Lữ đoàn 429 – Bộ Tư lệnh đặc công	735	1	735	0
115	Mua sắm trang thiết bị trường QSDP	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	16	1	16	0
116	Xây dựng trường QSDP	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	76	1	76	0
117	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường QSDP	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	79	1	79	0
118	Trung tâm điều hành chỉ huy tình trạng khẩn cấp về Quốc phòng (giai đoạn 1)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	830	1	830	0
119	Trung tâm điều hành chỉ huy tình trạng khẩn cấp về Quốc phòng (giai đoạn 2)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	60	1	60	0
120	Sở chỉ huy Trung đoàn Bộ binh 6	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	943	1	943	0
121	Xây dựng cầu đường vào Ấp Suối Con	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	281	1	281	0
122	Mở rộng Sở chỉ huy Dĩ An	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	82	1	82	0
123	Phòng chống cháy nổ kho A	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	142	1	142	0
124	Xây dựng cụm kho Tham mưu - Hậu cần - Kỹ thuật	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	218	1	218	0
125	Khu chỉ huy điều hành thời chiến HC-KT	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	239	1	145	-94
126	Xây dựng cơ sở hạ tầng eBB6	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	158	1	158	0
127	Xây dựng các hạng mục thuộc Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	191	1	125	-66
128	Đóng mới doanh cụ nhà ở Sĩ quan - QNCN	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	177	1	159	-18
129	Xây dựng hạ tầng Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	74	1	55	-19
A.3.2	PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		42.297	3	42.300	3
130	Mua sắm xe thang 62m cứu hộ và chữa cháy nhà cao tầng	Công an tỉnh	31.278	1	31.281	3
131	Đội Cảnh sát PC&CC khu vực huyện Bến Cát	Công an tỉnh	2.520	1	2.520	0
132	Đội Cảnh sát PC&CC tại Khu đô thị mới Bình Dương	Công an tỉnh	8.499	1	8.499	0
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020 (B=B.1+B.2+B.3)		5.966.209	95	7.290.638	1.324.429
B.1	HẠ TẦNG KINH TẾ		4.438.396	42	5.635.174	1.196.778
B.1.1	CẤP THOÁT NƯỚC CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG		1.149.657	6	1.335.867	186.210
133	Tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	110.500	1	110.500	0
134	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Dĩ An	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	498.957	1	498.957	0
135	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	519.710	1	578.110	58.400
136	Mua sắm trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	14.690	1	14.690	0
137	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.800	1	5.610	1.810
138	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND thị xã Dĩ An	2.000	1	128.000	126.000
B.1.2	NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		182.685	21	243.153	60.468
139	Mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Thanh An	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	3.920	1	3.920	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KBĐTTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
140	Mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã An Lập	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	5.040	1	5.040	0
141	Mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Hòa	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1.085	1	1.085	0
142	Mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Thạnh	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	5.970	1	5.970	0
143	Mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung sạch công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Định Hiệp	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1.185	1	1.185	0
144	Đầu tư nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Lạc An	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	30.385	1	30.600	215
145	Đầu tư nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Tân Bình	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	5.065	1	5.065	0
146	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tân Lập.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	18.420	1	18.425	5
147	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bình Mỹ.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	19.510	1	19.545	35
148	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung xã An Bình.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	6.970	1	6.970	0
149	Đầu tư nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Vĩnh Hòa.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	7.795	1	7.795	0
150	Mở rộng tuyến ống cấp nước công trình cấp nước tập trung xã An Thái.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	2.735	1	2.735	0
151	Mở rộng tuyến ống cấp nước công trình cấp nước tập trung xã Tân Long.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	4.620	1	4.623	3
152	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tam Lập.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	20.025	1	20.075	50
153	Đầu tư nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Long Hòa.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	10.415	1	10.415	0
154	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến ống cấp nước công trình cấp nước tập trung xã Thanh Tuyền.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	4.705	1	4.705	0
155	Dự án đầu tư nước mặt, mở rộng tuyến ống cấp nước công trình cấp nước tập trung xã Định Thành.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	7.695	1	7.695	0
156	Hệ thống cấp nước tập trung xã Hiếu Liêm.	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	20.645	1	20.705	60
157	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		1	11.500	11.500
158	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		1	5.100	5.100
159	Trạm chẩn đoán - Xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật Lái Thiêu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.500	1	50.000	43.500
B.1.3	GAO THÔNG		3.106.054	15	4.056.154	950.100
160	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	345.610	1	426.000	80.390

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
161	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	164.600	1	300.000	135.400
162	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	667.255	1	980.000	312.745
163	Đầu tư các tuyến đường nhánh và cơ sở hạ tầng phụ trợ trong Khu trung tâm hành chính và tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	2.900	1	120.800	118.000
164	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	66.000	1	150.000	84.000
165	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	830.000	1	1.050.045	220.045
166	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	265.000	1	265.000	0
167	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại Bình Dương	Sở Giao thông Vận tải	60.709	1	60.709	0
168	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	35.000	1	35.000	0
169	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng cây ăn quả có múi xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	36.090	1	36.090	0
170	Đường trục chính trung tâm hành chính và hạ tầng khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	160.480	1	160.000	-480
171	Xây dựng cầu mới Bến Tằng	UBND huyện Phú Giáo	59.610	1	59.610	0
172	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một	400.000	1	400.000	0
173	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km 23+733, Km 25+399, Km 31+508)	UBND thị xã Bến Cát	7.300	1	7.300	0
174	Bổ sung, nâng cấp hạng mục chiếu sáng trên tuyến đường ĐT744 đoạn qua xã An Tây từ Km12+046 đến Km21+200	UBND thị xã Bến Cát	6.400	1	6.400	0
B.2	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		781.924	38	871.826	89.902
B.2.1	Y TẾ		329.652	11	369.472	39.820
175	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 BVĐK 1500g và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	103.900	1	146.530	42.630
176	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	46.377	1	45.000	-1.377
177	Thiết bị bệnh viện chuyên khoa lao, bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	40.000	1	5	-39.995
178	Thiết bị bệnh viện chuyên khoa tâm thần	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	30.000	1	200	-29.800
179	Khu tái định cư Phú Chánh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	11.926	1	11.926	0
180	Phòng tiêm ngừa của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	2.201	1	2.168	-33
181	Cải tạo Khoa Dược và khối Hành chính Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Dương	BV YHCT	4.581	1	4.581	0
182	Trang thiết bị nhánh C- Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	1.782	1	1.783	1
183	Cải tạo sửa chữa mở rộng khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	13.200	1	31.200	18.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
184	Tăng cường năng lực Phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm thuộc Sở y tế (giai đoạn 1)	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh	16.200	1	16.680	480
185	Đầu tư trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Phú Giáo	UBND Phú Giáo	9.485	1	9.399	-86
186	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh	UBND Bàu Bàng	50.000		100.000	50.000
B.2.2	GIÁO DỤC		124.124	5	123.723	-401
187	Đầu tư nội thất tòa nhà F2 -Khu KTX sinh viên ĐHQG TP HCM	Trung tâm quản lý KTX sinh viên	5.984	1	5.984	0
188	Dự án trang thiết bị Trường Cao đẳng Y tế	Trường CĐ Y tế	87.580	1	87.320	-260
189	Sửa chữa Nhà thi đấu đa năng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	3.218	1	2.830	-388
190	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bàu Bàng	UBND Bàu Bàng	23.150	1	23.496	346
191	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề người sửa chữa máy công cụ cấp độ quốc gia - Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	4.192	1	4.093	-99
B.2.3	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		141.983	12	142.666	683
192	Bổ sung trang thiết bị CNTT điện tử phục vụ mô hình một cửa hiện đại cấp huyện và cấp xã giai đoạn 1.	Sở Thông tin Truyền thông	18.500	1	18.500	0
193	Xây dựng các phần mềm chuyên ngành của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở KHĐT	1.078	1	1.044	-34
194	Nâng cấp phần mềm quản lý trung tâm của hệ thống quan trắc nước thải tự động	Sở Tài nguyên Môi trường	900	1	836	-64
195	Đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT Tòa nhà trung tâm hành chính	Sở Thông tin Truyền thông	22.470	1	23.300	830
196	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển CNTT và đảm nhiệm vai trò Trung tâm dữ liệu dự phòng	Sở Thông tin Truyền thông	24.470	1	24.750	280
197	Xây dựng Trung tâm tích hợp Dữ liệu Tỉnh ủy và phần mềm đặc thù cho các cơ quan đảng tỉnh Bình Dương	Văn phòng tỉnh ủy	17.522	1	16.790	-732
198	Xây dựng hạ tầng thông tin địa lý và phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	Sở Xây dựng	17.700	1	18.503	803
199	Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	Sở KHĐT	6.400	1	5.800	-600
200	Thiết bị chuyên dùng phục vụ tác nghiệp PT-TH	Đài Phát thanh và Truyền hình	11.616	1	11.616	0
201	Đầu tư 20 Camera kỹ thuật số	Đài Phát thanh và Truyền hình	13.597	1	13.597	0
202	Dự án: ứng dụng CNTT tại Bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	BVĐK	3.000	1	3.200	200
203	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 3	Báo Bình Dương	4.730	1	4.730	0
B.2.4	XÃ HỘI		69.541	3	71.460	1.919
204	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 3)	Tỉnh đoàn Bình Dương	11.000	1	11.000	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
205	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh (cơ sở 1)	Ban QLDA tỉnh	56.816	1	58.544	1.728
206	Trung tâm nuôi dưỡng người già tàn tật cô đơn. Hạng mục: Phát sinh hệ thống Phòng cháy chữa cháy	Sở LĐT BXH	1.725	1	1.916	191
B.2.5	VĂN HÓA		111.506	6	161.085	49.579
207	Trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử Đình Phú Long	Sở VH TTDL	14.000	1	13.994	-6
208	Trung tâm văn hóa thể thao công nhân lao động thị xã Bến Cát	Liên đoàn Lao động	49.000	1	49.000	0
209	Trung tâm Văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	Liên đoàn Lao động	47.071	1	47.071	0
210	Trung bày mỹ thuật khu di tích lịch sử Rừng Kiến An	Sở VH TTDL	635	1	14.520	13.885
211	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm chiến khu D	Sở VH TTDL	700	1	30.500	29.800
212	Dự án Trùng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 3: Dự án bồi thường, giải tỏa)	UBND Dầu Tiếng	100	1	6.000	5.900
B.2.6	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		5.118	1	3.420	-1.698
213	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH CN	5.118	1	3.420	-1.698
B.3	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC -QPAN (B.3=I+II+III)		745.889	15	783.638	37.749
B.3.1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		16.339	3	28.839	12.500
214	Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ núi Cầu - Dầu Tiếng và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý rừng phòng hộ Núi Cầu Dầu Tiếng	3.787	1	3.787	0
215	Nhà để xe tạm cho Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	500	1	13.000	12.500
216	Xí nghiệp Công trình công cộng huyện Bàu Bàng	Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng	12.052	1	12.052	0
B.3.2	QUỐC PHÒNG		254.050	7	279.511	25.461
217	Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn đặc công 60/Bộ tham mưu QK7	Tiểu đoàn đặc công 60/Bộ tham mưu Quân khu 7	48.650	1	48.650	0
218	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	125.000	1	153.030	28.030
219	Xây dựng doanh trại Đại đội Trinh sát	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	10.650	1	9.581	-1.069
220	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	31.250	1	26.263	-4.987
221	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	31.250	1	34.912	3.662
222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2.750	1	2.949	199
223	Xây dựng nhà ăn cho Đại đội huấn luyện chiến sĩ mới và Đại đội huấn luyện dự bị động viên của Trung đoàn Bộ binh 6	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	4.500	1	4.126	-374
B.3.3	PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		475.500	5	475.288	-212
224	Mua sắm thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho các Đội Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khu vực	Công an tỉnh	134.000	1	133.781	-219

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
225	Mua sắm xe bồn tiếp nước chữa cháy	Công an tỉnh	59.000	1	59.037	37
226	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy, nổ	Công an tỉnh	194.000	1	191.504	-2.496
227	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hòa - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	69.500	1	71.431	1.931
228	Xây dựng Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng cảnh sát PC&CC số 1 (phường Phú Mỹ - TP. Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh	19.000	1	19.535	535
C	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2020 (C.1+C.2+C.3)		1.395.414	30	4.341.356	2.945.942
C.1	HẠ TẦNG KINH TẾ		239.400	9	1.866.862	1.627.462
C.1.1	GIAO THÔNG		239.400	9	1.866.862	1.627.462
229	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (Giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	150.100	1	263.000	112.900
230	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bên xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thị xã Dĩ An	40.650	1	100.000	59.350
231	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	UBND thị xã Dĩ An	40.650	1	100.000	59.350
232	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	1	136.000	133.000
233	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	1	450.000	447.000
234	Xây dựng cổng kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.000	1	200.000	198.000
235	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát		1	9.000	9.000
236	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến Tọa lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên		1	403.862	403.862
237	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		1	205.000	205.000
C.2	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		836.021	14	1.773.410	937.389
C.2.1	Y TẾ		639.584	4	1.149.700	510.116
238	Khởi kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	202.524	1	342.000	139.476
239	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	369.460	1	706.500	337.040
240	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch các Bệnh viện và một số công trình Nhà nước. (gđ 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	67.400	1	92.000	24.600
241	Nâng cấp CSVC Bệnh viện phục hồi chức năng	BV ĐD PHCN	200	1	9.200	9.000
C.2.2	GIÁO DỤC		500	1	94.500	94.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
242	Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho phòng thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu ở Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường ĐH Thủ Dầu Một	500	1	20.500	20.000
243	Trường THPT Thái Hòa; CCTL: 74.000 trđ.	UBND Tx Tân Uyên			74.000	74.000
C.2.3	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		142.500	2	347.900	205.400
244	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh và Truyền hình	138.200	1	247.900	109.700
245	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương tại TP. TDM	Đài Phát thanh và Truyền hình	4.300	1	100.000	95.700
C.2.4	VĂN HÓA		8.437	3	55.810	47.373
246	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở VH TTDL	693	1	16.690	15.997
247	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo cổ Dốc Chùa	Sở VH TTDL	6.911	1	16.790	9.879
248	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, sân nền; Nhà thường trực (3 nhà))	Sở VH TTDL	833	1	22.330	21.497
C.2.5	THỂ THAO		0	3	31.500	31.500
249	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	Sở VH TTDL		1	10.500	10.500
250	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 3: Khu dịch vụ)	Sở VH TTDL		1	10.500	10.500
251	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	Sở VH TTDL		1	10.500	10.500
C.2.6	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		45.000	1	94.000	49.000
252	Mở rộng Trung tâm Giáo dục lao động- Tạo việc làm tỉnh (Mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương); CCTL: 94.000 trđ.	Sở LĐTBXH	45.000	1	94.000	49.000
C.3	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC -QPAN		319.993	7	701.084	381.091
C.3.1	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		319.993	7	701.084	381.091
253	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	218.850	1	162.500	-56.350
254	Kho lưu trữ của Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	99.943	1	68.564	-31.379
255	Đầu tư Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn 1	Sở TT&TT		1	36.000	36.000
256	Trung tâm Hành chính huyện Bàu Bàng	Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng	100	1	150.000	149.900
257	Trung tâm Hành chính huyện Bắc Tân Uyên	Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên	100	1	150.000	149.900
258	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.000	1	103.520	102.520
259	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ		1	30.500	30.500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
D	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (D.1+D.2+D.3)		69.765	66	1.756.210	1.686.445
D.1	HẠ TẦNG KINH TẾ		53.950	33	1.702.249	1.648.299
D.1.1	CẤP THOÁT NƯỚC CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG		700	8	311.500	310.800
260	Lập dự án khảo sát, nghiên cứu đánh giá tổng thể tác động của địa chất, địa hình thủy văn dòng chảy của sông Sài Gòn	Sở Tài nguyên Môi trường	100		0	-100
261	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	600	1	54.000	53.400
262	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn Ngã Ba Cống đường Thích Quảng Đức (từ Ngã Ba Cống đến cầu Bà Hên)	Sở Nông nghiệp và PTNT		1	500	500
263	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	UBND Tx Thuận An		1	1.000	1.000
264	Dự án giải phóng mặt bằng Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một		1	81.000	81.000
265	Dự án giải phóng mặt bằng Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An		1	81.000	81.000
266	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương		1	5.000	5.000
267	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực phường Uyên Hưng và phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương		1	5.000	5.000
268	Xóa điện kế dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo		1	84.000	84.000
D.1.2	NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		2.150	3	152.150	150.000
269	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và khu cách ly gia súc Bình Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	150	1	150	0
270	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.000	1	122.000	120.000
271	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động, trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn		1	30.000	30.000
D.1.3	GIAO THÔNG		51.100	22	1.238.599	1.187.499
266	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	4.500			-4.500
267	Giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018-2021)	UBND thị xã Thuận An		1	763.705	763.705
268	Xây dựng khu Tái định cư An Thạnh, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An		1	2.000	2.000
269	Xây dựng hạ lưu công ngang đường ĐT744 đoạn từ Km6+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	2.000	1	2.000	0
270	Xây dựng đường từ Quốc lộ 13 đến đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000		0	-3.000
271	Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	UBND thành phố Thủ Dầu Một	100	1	100	0
272	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741B	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	1	3.000	0
273	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 (đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	1	4.794	1.794
274	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tinh	UBND thị xã Bến Cát	2.000	1	28.000	26.000
275	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	UBND thị xã Tân Uyên	3.000	1	3.000	0
276	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	UBND thị xã Bến Cát	3.000	1	3.000	0
277	Nâng cấp đường ĐT746 đoạn từ Cầu Gỗ đến Lạc An	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	1	3.000	0
278	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 (đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	5.000	1	118.000	113.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
279	Nạo vét, gia cố Suối Cái từ thượng nguồn (đầu tuyến) đến sau cầu Thợ Út 100m	Sở NN và PTNT	3.000	1	3.000	0
280	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại sau cầu Thợ Út 100m đến sông Đồng Nai	Sở NN và PTNT	3.000	1	3.000	0
281	Xây dựng cầu vượt tại nút giao ĐT743 (Phú Lợi) và Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000		0	-3.000
282	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	1	113.000	110.000
283	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù lao Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên	2.000	1	2.000	0
284	Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên		1	68.000	68.000
285	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND thị xã Tân Uyên	500	1	500	0
286	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An		1	2.000	2.000
287	Xây dựng đường Tào lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn qua huyện Bàu Bàng)	UBND huyện Bàu Bàng		1	1.500	1.500
288	Xây dựng đường Tào lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn qua huyện Phú Giáo)	UBND huyện Phú Giáo		1	1.500	1.500
289	Xây dựng tường gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến rạch Bàu Tra)	UBND thành phố Thủ Dầu Một		1	50.500	50.500
290	Xây dựng đường N8 - N10 (từ Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND thành phố Thủ Dầu Một			58.000	58.000
291	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đường Thủ Biên - Đất Cuốc (Giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	5.000	1	5.000	0
D.2	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		2.315	16	41.961	39.646
D.2.1	GIÁO DỤC		276	5	33.222	32.946
292	Dự án: Các công trình Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường ĐH Thủ Dầu Một	96	1	96	0
293	Dự án: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cổng, tường rào và khuôn viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường ĐH Thủ Dầu Một	180	1	180	0
294	Quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Xây dựng mới Trường THPT chuyên Hùng Vương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		1	1.000	1.000
295	Quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	Sở LĐTBXH		1	446	446
296	Trường Trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		1	31.500	31.500
D.2.2	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		639	3	1.339	700
297	Ứng dụng CNTT tại 9 trung tâm y tế cấp huyện và 91 trạm y tế xã phường thị trấn	Sở Y tế	39	1	39	0
298	Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh phục vụ triển khai Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh giai đoạn 2017 - 2018	Sở TT&TT		1	500	500
299	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh và Truyền hình	600	1	800	200
D.2.3	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		400	2	400	0
300	Nâng cao năng lực tạo lập và phát triển nguồn khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Sở KH CN	200	1	200	0
301	Nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH CN	200	1	200	0
D.2.4	VĂN HÓA		1.000	6	7.000	6.000
302	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	500	1	2.500	2.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
303	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 2: Sưu tầm và trưng bày hình ảnh tư liệu hiện vật; tượng đài trung tâm; xây dựng sa bàn, bệ thờ các Anh hùng liệt sĩ; Phục chế nhà làm việc, sinh hoạt, hiện vật gắn liền của ba đồng chí chỉ huy chiến dịch)	Sở VH TTDL	500	1	1.000	500
304	Xây dựng đường vào Khu Di tích lịch sử Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh	UBND huyện Dầu Tiếng		1	1.000	1.000
305	Xây dựng Tượng đài Trung tâm, nhà bia (nội dung văn bia), các hạng mục công trình phục chế, tranh tượng, phù điêu Khu di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên	Sở VH TTDL		1	500	500
306	Xây dựng mới thư viện tỉnh	Sở VH TTDL		1	500	500
307	Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực văn hóa tưởng niệm Khu di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương		1	1.500	1.500
D.2.5 THỂ THAO						
D.3 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC -QPAN			13.500	17	12.000	-1.500
D.3.1 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			1.500	1	3.000	1.500
308	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	500	1	3.000	2.500
309	Đầu tư Nhà làm việc Chi cục quản lý thị trường huyện Bàu Bàng	Sở Công thương	500			-500
310	Đầu tư Nhà làm việc Chi cục quản lý thị trường huyện Bắc Tân Uyên.	Sở Công thương	500			-500
D.3.2 QUỐC PHÒNG			5.000	2	2.000	-3.000
311	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình của căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật cơ bản khu vực phòng thủ	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	5.000			-5.000
312	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên		1	1.000	1.000
313	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		1	1.000	1.000
D.3.3 PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY			7.000	14	7.000	0
314	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng cứu sự cố cháy nổ giai đoạn 2.	Công an tỉnh	500	1	500	0
315	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500	1	500	0
316	Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH trên sông	Công an tỉnh	500	1	500	0
317	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500	1	500	0
318	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin vô tuyến bộ đàm kỹ thuật số UHF phục vụ công tác PCCC và CNCH tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	500	1	500	0
319	Đầu tư xây dựng hệ thống Camera quan sát cháy trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	500	1	500	0
320	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng cảnh sát PC&CC số 1 (phường Phú Mỹ - TP. Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh	500	1	500	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
321	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500	1	500	0
322	Mua sắm Phương tiện PCCC và CNCH trên sông	Công an tỉnh	500	1	500	0
323	Mua sắm trang thiết bị phương tiện chữa cháy cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500	1	500	0
324	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Phước Vĩnh	Công an tỉnh	500	1	500	0
325	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	Công an tỉnh	500	1	500	0
326	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành	Công an tỉnh	500	1	500	0
327	Ứng dụng CNTT tại Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương.	Công an tỉnh	500	1	500	0

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Tờ trình số 3158/TT-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)		5.000.000	188	6.355.000	1.355.000
	Thành phố Thủ Dầu Một		539.602	28	789.500	249.898
	Thị xã Thuận An		476.417	18	700.000	223.583
	Thị xã Dĩ An		415.786	25	700.000	284.214
	Thị xã Tân Uyên		408.468	17	537.000	128.532
	Huyện Bắc Tân Uyên		269.000	13	363.430	94.430
	Thị xã Bến Cát		357.270	16	498.000	139.730
	Huyện Bàu Bàng		302.278	19	343.000	40.722
	Huyện Phú Giáo		281.277	19	377.500	96.223
	Huyện Dầu Tiếng		275.149	21	400.381	125.232
A	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020 (A=A.1+A.2)		2.392.312	73	2.390.903	-1.409
A.1	KHỐI TỈNH		1.362.443	6	1.335.939	-26.504
A.1.1	Y TẾ		1.336.209	4	1.310.520	-25.689
1	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND Tân Uyên	225.514		190.822	-34.692
2	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.008.330	1	1.008.946	616
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	287		287	
4	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	47.060	1	47.060	0
5	Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	52.613	1	61.000	8.387
6	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa thị xã Thuận An	UBND Thuận An	2.405	1	2.405	0
A.1.2	GIÁO DỤC		26.234	2	25.419	-815
7	Dự án xây dựng Trường CĐ y tế	Trường CĐ Y tế	11.083	1	10.730	-353
8	Ký túc xá, nhà ăn, nhà bếp Trường THPT chuyên Hùng Vương	Ban QLDA tỉnh	15.151	1	14.689	-462
A.2	KHỐI HUYỆN THỊ		1.029.869	67	1.054.964	25.095
A.2.1	TP. THỦ DẦU MỘT		187.712	14	188.323	611
9	Trường MG Hoa Hướng Dương	UBND Thủ Dầu Một	8.316	1	8.316	0
10	Trường tiểu học Phú Hoà 3	UBND Thủ Dầu Một	752	1	752	0
11	Trường THCS Phú Mỹ	UBND Thủ Dầu Một	491	1	491	0
12	Trường MG Sao Mai	UBND Thủ Dầu Một	7.856	1	7.931	75
13	Trường MN Hòa Phú	UBND Thủ Dầu Một	19.237	1	19.503	266
14	Trường TH Phú Tân	UBND Thủ Dầu Một	12.640	1	12.540	-100
15	Trường TH Hòa Phú	UBND Thủ Dầu Một	36.985	1	36.835	-150
16	Trường TH Tương Bình Hiệp	UBND Thủ Dầu Một	41.912	1	42.480	568
17	Trường THCS Tương Bình Hiệp	UBND Thủ Dầu Một	50.095	1	50.304	209
18	Hội trường Trường THPT Bình Phú	UBND Thủ Dầu Một	485	1	485	0
19	Trường tiểu học Tân An	UBND Thủ Dầu Một	1.275	1	1.276	1
20	Trường tiểu học Phú Lợi	UBND Thủ Dầu Một	916	1	916	0
21	Trường mầm non Phú Tân	UBND Thủ Dầu Một	2.400	1	2.142	-258
22	Trường Mầm non Hòa Mi	UBND Thủ Dầu Một	4.352	1	4.352	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
A.2.2	TX. THUẬN AN		98.587	7	98.988	401
23	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn 2	UBND Thuận An	54.100	1	54.501	401
24	Trường THCS Thuận Giao	UBND Thuận An	40.313	1	40.313	0
25	Trường mẫu giáo Hoa Cúc 09	UBND Thuận An	493	1	493	0
26	Trường Tiểu học Bình Quới	UBND Thuận An	1.280	1	1.279	-1
27	Trường TH Lý Tự Trọng (GĐ2)	UBND Thuận An	1.671	1	1.671	0
28	Trường TH Tân Thới	UBND Thuận An	61	1	61	0
29	Trường THCS Trịnh Hoài Đức giai đoạn 2	UBND Thuận An	669	1	670	1
A.2.3	TX. DĨ AN		131.880	13	131.484	-396
30	Trường mẫu giáo Hoa Hồng 1	UBND Dĩ An	13.951	1	13.953	2
31	Trường mẫu giáo Thống nhất	UBND Dĩ An	660	1	660	0
32	Trường TH Lý Thường Kiệt	UBND Dĩ An	1.212	1	1.212	0
33	Trường TH Thống Nhất	UBND Dĩ An	15.632	1	15.240	-392
34	Trường TH An Bình A	UBND Dĩ An	42.161	1	42.155	-6
35	Cải tạo, NC và MR trường tiểu học Đồng Hoà B	UBND Dĩ An	31.239	1	31.239	0
36	Trường TH Đông Chiêu	UBND Dĩ An	4.170	1	4.170	0
37	MR trường THCS Võ Trường Toản	UBND Dĩ An	241	1	241	0
38	Nhà tập đa năng Trường THCS An Bình	UBND Dĩ An	7.292	1	7.292	0
39	Trường THCS Đồng Hoà	UBND Dĩ An	619	1	619	0
40	Trường THCS Tân Bình	UBND Dĩ An	2.351	1	2.351	0
41	Trường THCS Bình Thắng	UBND Dĩ An	11.116	1	11.116	0
42	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	UBND Dĩ An	1.236	1	1.236	0
A.2.4	TX. BẾN CÁT		96.238	4	95.550	-688
43	Trường TH An Điền	UBND Bến Cát	15.613	1	15.613	0
44	Trường mầm non Hòa Lợi	UBND Bến Cát	26.206	1	26.206	0
45	Trường mầm non An Điền	UBND Bến Cát	25.419	1	25.419	0
46	Trường TH Chánh Phú Hòa	UBND Bến Cát	29.000	1	28.312	-688
A.2.5	TX. TÂN UYÊN		85.617	4	85.857	240
47	Trường Tiểu học Phú Chánh	UBND Tân Uyên	14.810	1	14.810	0
48	Trường Tiểu học Uyên Hưng B	UBND Tân Uyên	20.500	1	20.500	0
49	Trường Mẫu giáo Phú Chánh	UBND Tân Uyên	16.107	1	16.847	740
50	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	UBND Tân Uyên	34.200	1	33.700	-500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
A.2.6	HUYỆN DẦU TIẾNG		33.010	6	58.010	25.000
51	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 1)	UBND Dầu Tiếng	23.191	1	23.191	0
52	Trường tiểu học Bến Súc	UBND Dầu Tiếng	3.003	1	3.003	0
53	Trường mầm non Thanh An	UBND Dầu Tiếng	4.273	1	4.273	0
54	Trường tiểu học Dầu Tiếng	UBND Dầu Tiếng	957	1	957	0
55	Trường THPT Long Hòa	UBND Dầu Tiếng	1.322	1	26.322	25.000
56	Trường tiểu học Thanh Tân	UBND Dầu Tiếng	264	1	264	0
A.2.7	HUYỆN PHÚ GIÁO		177.445	8	177.445	0
57	Trường mầm non Tân Long	UBND Phú Giáo	2.740	1	2.740	0
58	Trường mầm non Vĩnh Hòa	UBND Phú Giáo	2.332	1	2.332	0
59	Trường THCS bán trú Phước Hòa	UBND Phú Giáo	12.925	1	12.925	0
60	Trường trung học phổ thông Phước Vĩnh	UBND Phú Giáo	33.255	1	33.255	0
61	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa B	UBND Phú Giáo	21.049	1	21.049	0
62	Trường mầm non Hòa Mi	UBND Phú Giáo	32.994	1	32.994	0
63	Trường Tiểu học An Bình A	UBND Phú Giáo	48.702	1	48.702	0
64	Trường Tiểu học An Long	UBND Phú Giáo	23.448	1	23.448	0
A.2.8	HUYỆN BÀU BÀNG		154.278	8	154.588	310
65	Trường MN Lai Uyên	UBND Bầu Bàng	51.658	1	51.662	4
66	Trường TH Lai Uyên A	UBND Bầu Bàng	49.000	1	49.306	306
67	Trường TH Hưng Hòa	UBND Bầu Bàng	15.355	1	15.355	0
68	Trường TH CS Quang Trung	UBND Bầu Bàng	4.965	1	4.965	0
69	Trường TH Cây Trường	UBND Bầu Bàng	4.356	1	4.356	0
70	Trường TH Lai Hưng A (mở rộng)	UBND Bầu Bàng	5.912	1	5.912	0
71	Trường TH Long Nguyên	UBND Bầu Bàng	7.535	1	7.535	0
72	Trường THPT Bầu Bàng	UBND Bầu Bàng	15.497	1	15.497	0
A.2.9	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN		65.102	3	64.719	-383
73	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	UBND Bắc Tân Uyên	38.224	1	38.198	-26
74	Trường Mầm non Thường Tân	UBND Bắc Tân Uyên	16.193	1	16.160	-33
75	Trường Tiểu học Tân Định	UBND Bắc Tân Uyên	10.685	1	10.361	-324
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020 (B=B.1+B.2)		2.475.622	52	3.011.364	535.742
B.1	KHỞI TỈNH		311.110	3	286.000	-25.110
B.1.1	Y TẾ		310.854	3	285.744	-25.110
76	Đầu tư trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Phú Giáo	UBND Phú Giáo	0		86	86
77	Khu điều trị 300 giường (Khoa Sản) thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh	Ban QLDA tỉnh	99.255	1	99.260	5
78	Thiết bị Khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA tỉnh	44.700	1	47.400	2.700
79	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng-Quy mô 100 giường bệnh	UBND Bầu Bàng	166.899	1	138.998	-27.901

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
B.1.2	GIÁO DỤC		256	0	256	0
80	Dự án trang thiết bị Trường Cao đẳng Y tế	Trường CĐ Y tế	256		256	0
B.2	KHỐI HUYỆN THỊ		2.164.512	49	2.725.364	560.852
B.2.1	TP.THỦ DẦU MỘT		351.090	6	502.577	151.487
81	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Thủ Dầu Một	83.922	1	68.000	-15.922
82	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Thủ Dầu Một	68.831	1	59.000	-9.831
83	Trường THCS Trần Bình Trọng	UBND Thủ Dầu Một	89.961	1	83.000	-6.961
84	Trường THCS Phú Hòa 2	UBND Thủ Dầu Một	3.696	1	142.577	138.881
85	Trường tiểu học Phú Lợi 2	UBND Thủ Dầu Một	33.641	1	97.000	63.359
86	Trường TH Chánh Nghĩa	UBND Thủ Dầu Một	71.039	1	53.000	-18.039
B.2.2	TX. THUẬN AN		376.430	6	422.960	46.530
87	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Thuận An	97.901	1	96.000	-1.901
88	Mở rộng trường THCS Trịnh Hoài Đức	UBND Thuận An	32.085	1	31.000	-1.085
89	Trường TH Tuy An	UBND Thuận An	82.830	1	82.820	-10
90	Mở rộng trường THCS Nguyễn Thái Bình	UBND Thuận An	45.000	1	46.400	1.400
91	Trường tiểu học An Thạnh	UBND Thuận An	55.100	1	81.740	26.640
92	Trường THCS Bình Chuẩn	UBND Thuận An	63.514	1	85.000	21.486
B.2.3	TX. DĨ AN		202.450	6	315.300	112.850
93	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường TH Dĩ An B	UBND Dĩ An	48.530	1	49.070	540
94	Trường THCS Dĩ An -gđ 2	UBND Dĩ An	22.797	1	23.050	253
95	Trường THCS Đồng Chiêu	UBND Dĩ An	48.892	1	80.000	31.108
96	Mở rộng trường THCS Đồng Hòa	UBND Dĩ An	32.231	1	47.180	14.949
97	Trường mầm non Đồng Hòa	UBND Dĩ An	20.000	1	65.000	45.000
98	Trường tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Dĩ An	30.000	1	51.000	21.000
B.2.4	TX. BẾN CÁT		233.530	4	234.000	470
99	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Bến Cát	66.000	1	70.000	4.000
100	Trường tiểu học Định Phước	UBND Bến Cát	75.000	1	72.000	-3.000
101	Trường THCS An Điền (giai đoạn 1)	UBND Bến Cát	38.000	1	37.000	-1.000
102	Trường Mầm non Mỹ Phước	UBND Bến Cát	54.530	1	55.000	470
B.2.5	TX. TÂN UYÊN		321.251	7	403.806	82.555
103	Trường THCS Phú Chánh	UBND Tân Uyên	63.825	1	66.000	2.175

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
104	Trường Mầm non Thanh Hội	UBND Tân Uyên	64.200	1	70.000	5.800
105	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tân Uyên	5.527	1	30.306	24.779
106	Trường Tiểu học Thái Hòa B	UBND Tân Uyên	48.324	1	58.000	9.676
107	Trường THCS Khánh Bình	UBND Tân Uyên	56.975	1	67.000	10.025
108	Trường THCS Tân Hiệp	UBND Tân Uyên	21.200	1	51.200	30.000
109	Trường Tiểu học Hội Nghĩa	UBND Tân Uyên	61.200	1	61.300	100
B.2.6	HUYỆN DẦU TIẾNG		242.139	10	338.871	96.732
110	Trường mầm non Long Hòa	UBND Dầu Tiếng	33.302	1	32.855	-447
111	Trường THCS Minh Tân (12 phòng học)	UBND Dầu Tiếng	12.117	1	12.117	0
112	Trường Tiểu học Định An (24 phòng học)	UBND Dầu Tiếng	17.845	1	17.843	-2
113	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND Dầu Tiếng		1	36.010	36.010
114	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 1)	UBND Dầu Tiếng	29.571	1	29.363	-208
115	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND Dầu Tiếng		1	17.300	17.300
116	Trường trung học cơ sở An Lập (gđ 1)	UBND Dầu Tiếng	41.000	1	46.370	5.370
117	Trường trung học cơ sở Minh Hòa	UBND Dầu Tiếng	50.710	1	56.001	5.291
118	Trường tiểu học An Lập (gđ 1)	UBND Dầu Tiếng	42.340	1	46.012	3.672
119	Trường THCS Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND Dầu Tiếng	15.254	1	45.000	29.746
B.2.7	HUYỆN PHÚ GIÁO		97.340	4	161.940	64.600
120	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND Phú Giáo	57.440	1	57.440	0
121	Trường tiểu học Phước Sang	UBND Phú Giáo	19.400	1	18.500	-900
122	Trường tiểu học An Thái giai đoạn 2	UBND Phú Giáo	500	1	46.000	45.500
123	Trường tiểu học An Linh	UBND Phú Giáo	20.000	1	40.000	20.000
B.2.8	HUYỆN BÀU BÀNG		147.000	2	132.000	-15.000
124	Trường TH Bầu Bàng	UBND Bầu Bàng	79.000	1	64.000	-15.000
125	Trường THCS Trừ Văn Thố	UBND Bầu Bàng	68.000	1	68.000	0
B.2.9	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN		193.282	4	213.910	20.628
126	Xây dựng mới bổ sung Trường THCS Tân Mỹ	UBND Bắc Tân Uyên	13.200	1	13.128	-72
127	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Bắc Tân Uyên	77.082	1	77.082	0
128	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Bắc Tân Uyên	62.000	1	68.000	6.000
129	Trường Mầm non Tân Mỹ	UBND Bắc Tân Uyên	41.000	1	55.700	14.700
C	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2020		129.066	29	919.955	790.889
C.1	KHỞI TÌNH		1.000	1	22.000	21.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
C.1.1	GIÁO DỤC		1.000	1	22.000	21.000
130	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	Sở LĐTBXH	1.000	1	22.000	21.000
C.2	KHỐI HUYỆN THỊ		128.066	28	897.955	769.889
C.2.1	TP.THỦ DẦU MỘT		600	6	97.900	97.300
131	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	UBND Thủ Dầu Một		1	12.100	12.100
132	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường THCS Hòa Phú	UBND Thủ Dầu Một	200	1	18.500	18.300
133	Xây dựng mới bổ sung hội trường và nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	UBND Thủ Dầu Một		1	13.100	13.100
134	Trường tiểu học Định Hòa 2	UBND Thủ Dầu Một		1	18.200	18.200
135	Cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THPT Bình Phú	UBND Thủ Dầu Một	200	1	18.000	17.800
136	Cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THPT An Mỹ	UBND Thủ Dầu Một	200	1	18.000	17.800
C.2.2	TX. THUẬN AN		1.400	3	176.052	174.652
137	Trường THPT Lý Thái Tổ	UBND Thuận An	1.000	1	126.052	125.052
138	Trường TH An Phú 3	UBND Thuận An	200	1	24.000	23.800
139	Trường TH Bình Chuẩn 2	UBND Thuận An	200	1	26.000	25.800
C.2.3	TX. DĨ AN		79.456	3	244.000	164.544
140	Trường Tiểu học Đồng Hòa C	UBND Dĩ An	40.000	1	84.000	44.000
141	Trường tiểu học Nhị Đồng 2	UBND Dĩ An	16.078	1	70.000	53.922
142	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Dĩ An	23.378	1	90.000	66.622
C.2.4	TX. BẾN CÁT		27.502	5	166.250	138.748
143	Trường tiểu học An Tây B (gđ 1)	UBND Bến Cát	26.102	1	40.000	13.898
144	Trường Tiểu học Hòa Lợi	UBND Bến Cát	1.000	1	71.580	70.580
145	Trường THCS Hòa Lợi	UBND Bến Cát	200	1	1.200	1.000
146	Trường trung học cơ sở An Điền giai đoạn 2	UBND Bến Cát		1	20.470	20.470
147	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát	UBND Bến Cát	200	1	33.000	32.800
C.2.5	TX. TÂN UYÊN		1.400	4	45.537	44.137
148	Trường THPT Thái Hòa; CCTL: 74.000 trđ.	UBND Tân Uyên	1.000	1	12.000	11.000
149	Trường Mầm non Thanh Phước	UBND Tân Uyên		1	11.137	11.137
150	Trường THCS Vĩnh Tân	UBND Tân Uyên	200	1	11.200	11.000
151	Trường TH Khánh Bình	UBND Tân Uyên	200	1	11.200	11.000
C.2.6	HUYỆN DẦU TIẾNG					
C.2.7	HUYỆN PHÚ GIÁO		6.492	2	36.415	29.923
152	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND Phú Giáo		1	15.000	15.000
153	Trường THCS tạo nguồn huyện Phú Giáo (Trường THCS Nguyễn Trãi)	UBND Phú Giáo	6.492	1	21.415	14.923
C.2.8	HUYỆN BÀU BÀNG		1.000	2	50.000	49.000
154	Trường Tiểu học Trừ Văn Thố	UBND Bầu Bàng	500	1	25.000	24.500
155	Trường Trung học cơ sở Cây Trường	UBND Bầu Bàng	500	1	25.000	24.500
C.2.9	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN		10.216	3	81.801	71.585
156	Trường THPT Lê Lợi	UBND Bắc Tân Uyên	10.216	1	58.801	48.585
157	Trường tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	UBND Bắc Tân Uyên		1	10.500	10.500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
158	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	UBND Bắc Tân Uyên		1	12.500	12.500
D	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (D=D.1+D.2)		3.000	34	32.778	29.778
D.1	KHỐI TÌNH		200	2	2.250	2.050
D.1.1	GIÁO DỤC		200	1	200	0
159	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Bình Dương	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Bình Dương	200	1	200	0
D.1.2	Y TẾ		0	1	2.050	2.050
160	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	UBND Phú Giáo		1	2.050	2.050
D.2	KHỐI HUYỆN THỊ		2.800	32	30.528	27.728
D.2.1	TP. THỦ DẦU MỘT		200	2	700	500
161	Trường THCS tạo nguồn thành phố Thủ Dầu Một (Trường THCS Ngô Sĩ Liên)	UBND Thủ Dầu Một	200	1	200	0
162	Xây dựng mới bổ sung nhà đa năng Trường trung học cơ sở Chánh Nghĩa	UBND Thủ Dầu Một		1	500	500
D.2.2	TX. THUẬN AN		0	2	2.000	2.000
163	Trường tiểu học An Phú 2	UBND Thuận An		1	1.000	1.000
164	Trường mầm non Hoa Mai 2	UBND Thuận An		1	1.000	1.000
D.2.3	TX. DĨ AN		2.000	3	9.216	7.216
165	Trường TH Tân Bình B	UBND Dĩ An		1	3.216	3.216
166	Trường tiểu học Châu Thới	UBND Dĩ An	1.000	1	3.000	2.000
167	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	UBND Dĩ An	1.000	1	3.000	2.000
D.2.4	TX. TÂN UYÊN		200	2	1.800	1.600
168	Trường TH Tân Phước Khánh B	UBND Tân Uyên	200	1	1.200	1.000
169	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	UBND Tân Uyên		1	600	600
D.2.5	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN		400	3	3.000	2.600
170	Trường MN Sơn Ca	UBND Bắc Tân Uyên	200	1	500	300
171	Trường Trung học phổ thông Tân Bình	UBND Bắc Tân Uyên	200	1	1.500	1.300
172	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	UBND Bắc Tân Uyên		1	1.000	1.000
D.2.6	TX. BẾN CÁT		0	3	2.200	2.200
173	Trường THCS Mỹ Thạnh.	UBND Bến Cát		1	1.200	1.200
174	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học phổ thông Tây Nam	UBND Bến Cát		1	500	500
175	Trường tiểu học An Tây B (gđ 2)	UBND Bến Cát		1	500	500
D.2.7	HUYỆN BÀU BÀNG		0	7	6.412	6.412
176	Trường mầm non Tân Hưng	UBND Bầu Bàng		1	100	100
177	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND Bầu Bàng		1	100	100
178	XD bổ sung phòng học Trường THPT Bầu Bàng	UBND Bầu Bàng		1	1.000	1.000
179	XD bổ sung phòng học Trường TH Tân Hưng	UBND Bầu Bàng		1	1.000	1.000
180	Cải tạo, NCMR trường THCS Lai Hưng	UBND Bầu Bàng		1	1.000	1.000
181	Xây dựng bổ sung phòng học Trường tiểu học Kim Đồng	UBND Bầu Bàng		1	3.112	3.112
182	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	UBND Bầu Bàng		1	100	100
D.2.8	HUYỆN PHÚ GIÁO		0	5	1.700	1.700

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
183	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND Phú Giáo		1	1.000	1.000
184	Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Phước Sang	UBND Phú Giáo		1	200	200
185	Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học An Long	UBND Phú Giáo		1	200	200
186	Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Tân Hiệp	UBND Phú Giáo		1	200	200
187	Trường Mầm non An Thái	UBND Phú Giáo		1	100	100
D.2.9	HUYỆN DẦU TIẾNG		0	5	3.500	3.500
188	Trường tiểu học Minh Tân	UBND Dầu Tiếng		1	1.000	1.000
189	Trường tiểu học Minh Hòa	UBND Dầu Tiếng		1	500	500
190	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	UBND Dầu Tiếng		1	500	500
191	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	UBND Dầu Tiếng		1	500	500
192	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	UBND Dầu Tiếng		1	1.000	1.000

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số 3158/TT-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
	TỔNG SỐ		2.939.536	125	3.712.170	772.634
	<i>Các dự án thực hiện năm 2015 chuyển tiếp sang 2016-2020</i>		<i>1.060.294</i>	<i>48</i>	<i>1.038.743</i>	<i>-21.551</i>
	<i>Các dự án khởi công mới 2016-2020 hoàn thành 2016-2020</i>		<i>1.324.596</i>	<i>47</i>	<i>1.450.880</i>	<i>126.284</i>
	<i>Các dự án khởi công mới 2016-2020 hoàn thành sau 2016-2020</i>		<i>550.166</i>	<i>24</i>	<i>1.217.962</i>	<i>667.796</i>
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>		<i>4.480</i>	<i>6</i>	<i>4.585</i>	<i>105</i>
I	THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT		920.000	19	1.307.000	387.000
I.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		521.436	11	490.276	-31.160
	HẠ TẦNG KINH TẾ		417.017	9	397.776	-19.241
1	Đường Hoàng Hoa Thám II	UBND thành phố Thủ Dầu Một	4.030	1	7.000	2.970
2	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Đinh Bộ Lĩnh)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	14.797	1	21.550	6.753
3	Đường từ Hoàng Hoa Thám (ngã tư thành đội) đến Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi.	UBND thành phố Thủ Dầu Một	3.240	1	3.300	60
4	Đường mở mới từ đường CMT8 đến đường Nguyễn Tri Phương (đường tổ 36, khu 5, phường Chánh Nghĩa)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	5.200	1	9.500	4.300
5	Đường Trần Ngọc Lên - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, P. Định Hoà)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	32.585	1	17.700	-14.885
6	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	UBND thành phố Thủ Dầu Một	112.386	1	127.600	15.214
7	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ ĐLBD đến đường Huỳnh Văn Lũy)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	243.003	1	209.350	-33.653
8	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã 3 đường Đinh Bộ Lĩnh đến cầu Thầy Năng)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	619	1	619	0
9	Đường Bạch Đằng nối dài phường Phú Cường	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1.157	1	1.157	0
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		29.252	1	25.600	-3.652
10	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một	29.252	1	25.600	-3.652
	QUỐC PHÒNG - AN NINH		75.167	1	66.900	-8.267
11	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự Tp.TDM	UBND thành phố Thủ Dầu Một	75.167	1	66.900	-8.267
L2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		300.832	3	411.549	110.717
	HẠ TẦNG KINH TẾ		300.832	3	411.549	110.717
12	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND thành phố Thủ Dầu Một	85.218	1	255.750	170.532
13	Đường Trần Văn Ôn	UBND thành phố Thủ Dầu Một	215.215	1	155.400	-59.815
14	Nạo vét Suối Cầu Trệt	UBND thành phố Thủ Dầu Một	399	1	399	0
L3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		97.232	5	405.175	307.943

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
	HẠ TẦNG KINH TẾ		97.232	5	405.175	307.943
15	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	UBND thành phố Thủ Dầu Một	95.532	1	101.260	5.728
16	Mở mới đường tạo lực 6 nối dài (Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thị Châu); CCTL: 100.000 trđ.	UBND thành phố Thủ Dầu Một	500	1	118.315	117.815
17	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên ấp 1-5), phường Phú Mỹ; CCTL: 62.000 trđ	UBND thành phố Thủ Dầu Một	200	1	67.000	66.800
18	Mở mới đường đê bao dọc rạch Bà Cô (theo quy hoạch phân khu là đường N8); CCTL: 110.000 trđ	UBND thành phố Thủ Dầu Một	500	1	115.000	114.500
19	Đường trục chính Đồng Tây	UBND thành phố Thủ Dầu Một	500	1	3.600	3.100
I.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		500	0	0	-500
	HẠ TẦNG KINH TẾ		500	0	0	-500
20	Xây dựng đường N8-N10 (đầu tuyến giáp đường 30/4 cuối tuyến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	500			-500
II	THỊ XÃ THUẬN AN		225.000	11	340.430	115.430
II.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		77.549	5	90.548	12.999
	HẠ TẦNG KINH TẾ		955	1	954	-1
21	Xây dựng đường rây xe lửa cũ nối dài (đường từ cầu sắt xe lửa đến giáp đường ranh Lái Thiêu	UBND thị xã Thuận An	955	1	954	-1
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		76.594	4	89.594	13.000
22	Trường TH Bình Thuận	UBND thị xã Thuận An	1.814	1	1.814	0
23	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND thị xã Thuận An	72.927	1	85.927	13.000
24	Xây dựng Trường tiểu học Bình Nhâm - 15 phòng học và nhà đa năng	UBND thị xã Thuận An	1.221	1	1.221	0
25	Xây dựng nhà ăn nhà đa năng trường TH Hưng Lộc	UBND thị xã Thuận An	632	1	632	0
II.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		139.333	3	131.432	-7.901
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		139.333	3	131.432	-7.901
26	Trường Mầm non Hoa Mai 3	UBND thị xã Thuận An	67.128	1	60.129	-6.999
27	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND thị xã Thuận An	70.562	1	69.660	-902
28	Trung tâm văn hóa An Sơn - giai đoạn 2 (Đầu tư thiết bị và xây dựng một số hạng mục phụ nhà văn hóa An Sơn)	UBND thị xã Thuận An	1.643	1	1.643	0
II.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		8.118	3	118.450	110.332
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		7.618	2	83.450	75.832
29	Trường Tiểu học Lê Thị Trung	UBND thị xã Thuận An	7.118	1	68.450	61.332
30	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	UBND thị xã Thuận An	500	1	15.000	14.500
	HẠ TẦNG KINH TẾ		500	1	35.000	34.500
31	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND thị xã Thuận An	500	1	35.000	34.500
II.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					
III	THỊ XÃ DĨ AN		265.000	4	265.000	0
III.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		190.277	2	186.172	-4.105

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		190.277	2	186.172	-4.105
32	Khu di tích CM & sinh thái Hồ Lang - Giai đoạn 1	UBND thị xã Dĩ An	114.448	1	112.441	-2.007
33	Sân vận động TX. Dĩ An	UBND thị xã Dĩ An	75.829	1	73.731	-2.098
III.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020					
III.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		74.523	1	77.343	2.820
	HẠ TẦNG KINH TẾ		74.523	1	77.343	2.820
34	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	UBND thị xã Dĩ An	74.523	1	77.343	2.820
III.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		200	1	1.485	1.285
35	Khu di tích CM và du lịch sinh thái Hồ Lang - gđ 2	UBND thị xã Dĩ An	100			-100
36	Xây dựng Suối Bình Thắng (đoạn từ đại học quốc gia đến QL 1A)	UBND thị xã Dĩ An	100	1	1.485	1.385
IV	THỊ XÃ TÂN UYÊN		310.000	18	355.000	45.000
IV.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		68.229	7	68.429	200
	HẠ TẦNG KINH TẾ		29.586	3	29.586	0
37	Xây dựng cầu qua Cù lao Bạch Đằng	UBND thị xã Tân Uyên	10.887	1	10.887	0
38	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường ĐH 418 (đoạn từ ĐT 747B đến ngã tư Nhà thờ)	UBND thị xã Tân Uyên	6.077	1	6.077	0
39	Sửa chữa, dặm vá tuyến đường ĐH 409 phường Tân Hiệp và xã Vĩnh Tân	UBND thị xã Tân Uyên	12.622	1	12.622	0
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		38.643	4	38.843	200
	Y tế		6.322	2	6.322	0
40	Phòng khám đa khoa phường Khánh Bình	UBND thị xã Tân Uyên	2.535	1	2.535	0
41	Xây dựng Trạm y tế xã Phú Chánh	UBND thị xã Tân Uyên	3.787	1	3.787	0
	Văn hóa		27.850	1	28.050	200
42	Khu di tích tưởng niệm truyền thống chiến khu Vĩnh Lợi	UBND thị xã Tân Uyên	27.850	1	28.050	200
	Xã hội		4.471	1	4.471	0
43	Khu Tái định cư phường Tân Phước Khánh	UBND thị xã Tân Uyên	4.471	1	4.471	0
IV.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		210.209	7	205.571	-4.638
	HẠ TẦNG KINH TẾ		182.218	4	177.786	-4.432
44	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã – phường: Thanh Hội, Bạch Đằng, Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp	UBND thị xã Tân Uyên	11.800	1	9.658	-2.142
45	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã – phường: Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa	UBND thị xã Tân Uyên	12.000	1	9.710	-2.290
46	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ ngã tư xã cũ đến cầu Khánh Vân), phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên	UBND thị xã Tân Uyên	78.434	1	78.434	0
47	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư xã cũ), phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên	UBND thị xã Tân Uyên	79.984	1	79.984	0
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		27.991	3	27.785	-206
	Y tế		27.991	3	27.785	-206
48	Xây dựng Trạm y tế xã Vĩnh Tân	UBND thị xã Tân Uyên	9.585	1	9.585	0
49	Xây dựng Trạm y tế xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND thị xã Tân Uyên	9.764	1	9.764	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
50	Xây dựng Trạm y tế phường Tân Phước Khánh	UBND thị xã Tân Uyên	8.642	1	8.436	-206
IV.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		29.082	1	78.600	49.518
	HẠ TẦNG KINH TẾ		29.082	1	78.600	49.518
51	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A), thị xã Tân Uyên	UBND thị xã Tân Uyên	29.082	1	78.600	49.518
IV.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		2.480	3	2.400	-80
52	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 409 (đoạn từ ĐT 747B đến cầu Vĩnh Lợi)	UBND thị xã Tân Uyên	1.000	1	500	-500
53	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	UBND thị xã Tân Uyên	1.000	1	1.700	700
54	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư nhà thờ đến ngã tư đường ĐH 409)	UBND thị xã Tân Uyên	480	1	200	-280
V	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN		260.000	10	275.000	15.000
V.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		5.811	2	5.668	-143
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		5.811	2	5.668	-143
55	Trạm Y tế xã Tân Bình	UBND huyện Bắc Tân Uyên	2.036	1	2.036	0
56	Xây dựng Trạm Y tế xã Tân Định	UBND huyện Bắc Tân Uyên	3.775	1	3.632	-143
V.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		120.559	6	121.594	1.035
	HẠ TẦNG KINH TẾ		36.512	3	36.500	-12
57	Nâng cấp bê tông nhựa đường ĐH.414 (giai đoạn 3)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	13.312	1	13.312	0
58	Nâng cấp bê tông nhựa đường ĐH.424	UBND huyện Bắc Tân Uyên	8.620	1	8.608	-12
59	Nâng cấp mở rộng tuyến đường GTNT từ đường ĐH.415 đi hồ Đá Bàn	UBND huyện Bắc Tân Uyên	14.580	1	14.580	0
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		84.047	3	85.094	1.047
	Y tế		8.025	1	8.025	0
60	Mua sắm trang thiết bị y tế cho phòng khám đa khoa khu vực tuyến huyện	UBND huyện Bắc Tân Uyên	8.025	1	8.025	0
	Giáo dục		38.022	1	38.069	47
61	Trường Tiểu học Tân Định	UBND huyện Bắc Tân Uyên	38.022	1	38.069	47
	Văn hóa		38.000	1	39.000	1.000
62	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	38.000	1	39.000	1.000
V.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		133.630	2	147.738	14.108
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		133.630	2	147.738	14.108
63	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn I: 60 giường)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	133.530	1	133.530	0
64	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	100	1	14.208	14.108
V.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					
VI	THỊ XÃ BẾN CÁT		247.000	8	276.500	29.500
VI.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		72.095	3	72.338	243
	HẠ TẦNG KINH TẾ		72.095	3	72.338	243

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
65	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè, HTCS tuyến đường từ ngã 3 vật tư đến ngã 4 Tân Dù	UBND thị xã Bến Cát	16.431	1	16.494	63
66	Đường Gò Cáo Cáo	UBND thị xã Bến Cát	39.364	1	39.544	180
67	Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa	UBND thị xã Bến Cát	16.300	1	16.300	0
VI.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		42.000	1	40.947	-1.053
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		42.000	1	40.947	-1.053
68	Xây dựng tượng đài thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	42.000	1	40.947	-1.053
VI.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		132.405	3	162.715	30.310
	HẠ TẦNG KINH TẾ		132.405	3	162.715	30.310
69	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	UBND thị xã Bến Cát	131.405	1	85.715	-45.690
70	Xây dựng công viên dọc sông Thị Tính (đoạn qua chợ Bến Cát)	UBND thị xã Bến Cát	500	1	47.000	46.500
71	Khai thông, uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tính	UBND thị xã Bến Cát	500	1	30.000	29.500
VI.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		500	1	500	0
72	Xây dựng công viên Phú thử xã Phú An	UBND thị xã Bến Cát	500	1	500	0
VII	HUYỆN BÀU BÀNG		275.000	26	312.800	37.800
VII.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		42.185	6	42.185	0
	HẠ TẦNG KINH TẾ		28.172	3	28.172	0
73	Nâng cấp láng nhựa đường liên xã Cây Trường - Long Tân	UBND huyện Bầu Bàng	18.251	1	18.251	0
74	Nâng cấp đường liên ấp đường bê tông nhựa nóng 16 A xã Cây Trường II.	UBND huyện Bầu Bàng	4.148	1	4.148	0
75	Duy tu sửa chữa đường vào khu dân cư Long Nguyễn	UBND huyện Bầu Bàng	5.773	1	5.773	0
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		14.013	3	14.013	0
	Văn hoá		12.880	2	12.880	0
76	Trung tâm văn hóa xã Cây Trường II (giai đoạn 1)	UBND huyện Bầu Bàng	1.880	1	1.880	0
77	Trường TH Hưng Hòa	UBND huyện Bầu Bàng	11.000	1	11.000	0
	Xã hội		1.133	1	1.133	0
78	Trụ sở Đài Truyền thanh	UBND huyện Bầu Bàng	1.133	1	1.133	0
VII.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		184.217	18	180.615	-3.602
	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		44.830	1	44.830	0
	Văn hoá		44.830	1	44.830	0
79	Trung tâm văn hóa thể thao huyện	UBND huyện Bầu Bàng	44.830	1	44.830	0
	HẠ TẦNG KINH TẾ		139.387	17	135.785	-3.602
80	Duy tu sửa chữa đường vào khu dân cư Long Nguyễn (đoạn từ ĐT 749a đến ngã tư bản trắng)	UBND huyện Bầu Bàng	13.233	1	13.233	0
81	Bê tông nhựa đường văn phòng ấp 4 đến Trại Gà Đông Thịnh, xã Trừ Văn Thố	UBND huyện Bầu Bàng	11.596	1	11.596	0
82	Bê tông nhựa đường bảy dòng ấp suối tre xã Long Nguyễn	UBND huyện Bầu Bàng	10.896	1	10.896	0
83	HTCS đường 16A xã Cây Trường II	UBND huyện Bầu Bàng	457	1	457	0
84	HTCS tuyến đường từ QL 13 đi Hồ Từ Văn xã Lai Hưng	UBND huyện Bầu Bàng	542	1	542	0
85	Bê tông nhựa đường liên ấp 16B, xã Cây Trường II, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bầu Bàng	8.200	1	8.609	409

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
86	Bê tông nhựa đường tổ 3, ấp Bung Thuộc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	6.000	1	5.682	-318
87	Bê tông nhựa đường liên ấp Nhà Mát - Xa Thềm, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	14.300	1	13.559	-741
88	Bê tông nhựa đường trại gà Đồng Thịnh đến ĐT 750, xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	8.100	1	7.548	-552
89	Xây dựng đường bê tông xi măng liên ấp Bàu Lòng - Xà Mách xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	5.000	1	4.604	-396
90	Xây dựng đường bê tông nhựa nóng đường Nghĩa trang nhân dân xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	4.300	1	4.161	-139
91	Xây dựng mới Cầu Ông Cháy, xã Cây Trường 2, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	7.000	1	6.973	-27
92	Bê tông nhựa đường ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	9.000	1	8.852	-148
93	Bê tông nhựa đường ấp Bà Phái, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	13.063	1	12.363	-700
94	Bê tông nhựa đường ấp Long Hưng, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	8.600	1	8.370	-230
95	Đường từ chợ Tuấn Tâm đi đường mòn Hồ Chí Minh, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bàu Bàng	6.500	1	6.540	40
96	Bê tông nhựa đường từ Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	12.600	1	11.800	-800
VII.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		47.798	2	90.000	42.202
	HẠ TÀNG KINH TẾ		47.798	2	90.000	42.202
97	Đường ĐH 610 xã Long Nguyên	UBND huyện Bàu Bàng	46.298	1	60.000	13.702
98	Đường ĐH 619	UBND huyện Bàu Bàng	500			-500
99	Đường ĐH 623	UBND huyện Bàu Bàng	500			-500
100	Xây dựng mới đường ĐH 618	UBND huyện Bàu Bàng	500	1	30.000	29.500
VII.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		800	0	0	-800
101	Xây dựng mới đường ĐH 613	UBND huyện Bàu Bàng	800			-800
VIII	HUYỆN PHÚ GIÁO		232.536	18	375.440	142.904
VIII.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		64.509	9	64.924	415
	HẠ TÀNG KINH TẾ		36.507	5	36.507	0
102	Đường nội ô thị trấn Phước Vĩnh giai đoạn 2 dài 5 km	UBND huyện Phú Giáo	6.771	1	6.771	0
103	Đường ĐH503 đi ĐH501 và nhánh rẽ đi trung tâm cai nghiện	UBND huyện Phú Giáo	14.292	1	14.292	0
104	Đường từ ĐH506 đi ĐH507 và các nhánh rẽ đi ĐT741	UBND huyện Phú Giáo	4.536	1	4.536	0
105	Đường An Bình đi An Linh	UBND huyện Phú Giáo	2.345	1	2.345	0
106	Xây dựng mới Cầu Rạch Bè	UBND huyện Phú Giáo	8.563	1	8.563	0
	HẠ TÀNG VĂN HÓA XÃ HỘI		8.510	2	8.510	0
107	XD sân tập TDTT, hồ bơi, nhà điều hành, cây xanh sân vận động	UBND huyện Phú Giáo	4.967	1	4.967	0
108	Trạm y tế xã An Bình	UBND huyện Phú Giáo	3.543	1	3.543	0
	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC -QPAN		19.492	2	19.907	415
109	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	3.286	1	3.286	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
110	Bồi thường giải toả khu đất giao Trung đoàn 271	UBND huyện Phú Giáo	16.206	1	16.621	415
VIII.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		163.035	4	212.085	49.050
	HẠ TÀNG KINH TẾ		152.107	3	201.157	49.050
111	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	UBND huyện Phú Giáo	42.818	1	37.918	-4.900
112	Xây dựng đường ĐH 512 (đường Kiểm), huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Phú Giáo	57.907	1	72.807	14.900
113	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Phú Giáo	51.382	1	90.432	39.050
	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC -QPN		10.928	1	10.928	0
114	Xây dựng trụ sở đội Công trình Công cộng	UBND huyện Phú Giáo	10.928	1	10.928	0
VIII.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		4.992	5	98.431	93.439
	HẠ TÀNG KINH TẾ		4.992	5	98.431	93.439
115	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	UBND huyện Phú Giáo	500	1	32.440	31.940
116	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	UBND huyện Phú Giáo	500	1	28.000	27.500
117	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	UBND huyện Phú Giáo	1.992	1	10.000	8.008
118	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo	1.000	1	9.291	8.291
119	Nâng cấp đường Công Triết	UBND huyện Phú Giáo	1.000	1	18.700	17.700
VIII.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					
IX	HUYỆN DẦU TIẾNG		205.000	11	205.000	0
IX.1	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG 2016-2020		18.203	3	18.203	0
	HẠ TÀNG KINH TẾ		5.387	1	5.387	0
	Giao thông		5.387	1	5.387	0
120	Nâng cấp, mở rộng đoạn đường từ ĐT 748 đến trước chợ Phú Bình và đoạn từ đường ĐT 748 đến trạm y tế Nông trường cao su An Lập, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	5.387	1	5.387	0
	HẠ TÀNG VĂN HÓA XÃ HỘI		12.816	2	12.816	0
	Văn hoá		12.816	2	12.816	0
121	Bia tưởng niệm và Đèn thanh niên xung phong xã Thanh An	UBND huyện Dầu Tiếng	8.356	1	8.356	0
122	Bia chiến thắng Suối Dứa thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	4.460	1	4.460	0
IX.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH 2016-2020		164.411	5	147.087	-17.324
	HẠ TÀNG KINH TẾ		164.411	5	147.087	-17.324
	Giao thông		164.411	5	147.087	-17.324
123	Rải đá, láng nhựa đường từ Ngã 3 Dốc Chùa đến Ngã 3 đường ĐH 707, xã Minh Thạnh	UBND huyện Dầu Tiếng	14.913	1	14.945	32
124	Nâng cấp, mở rộng đoạn đường từ ngã ba dốc lăm vào đến ngã tư chú thai, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	7.460	1	7.460	0
125	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa (đoạn qua xã Định An)	UBND huyện Dầu Tiếng	9.174	1	9.174	0
126	Nâng cấp nhựa đường ĐH 722 (từ ĐT 749b đến ngã ba Cầm xe)	UBND huyện Dầu Tiếng	54.100	1	44.093	-10.007
127	Mở rộng đường từ trước Huyện uỷ - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng Tám	UBND huyện Dầu Tiếng	78.764	1	71.415	-7.349
IX.3	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2016-2020 HOÀN THÀNH SAU 2016-2020		22.386	2	39.510	17.124

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn		Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
				Số dự án	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
	HẠ TẦNG KINH TẾ		22.386	2	39.510	17.124
128	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa giai đoạn 2 (đoạn qua xã Định An)	UBND huyện Dầu Tiếng	21.986	1	25.890	3.904
129	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 từ ĐT 749a đến ĐT750)	UBND huyện Dầu Tiếng	400	1	13.620	13.220
IX.4	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		0	1	200	200
130	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 đoạn từ xã Thanh An đến Định Hiệp - giai đoạn 2	UBND huyện Dầu Tiếng		1	200	200
B	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ		6.350.000		6.350.000	
	Thành phố Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1.053.735		1.053.735	
	Thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An	1.264.381		1.264.381	
	Thị xã Dĩ An	UBND thị xã Dĩ An	1.223.248		1.223.248	
	Thị xã Tân Uyên	UBND thị xã Tân Uyên	485.503		485.503	
	Huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	422.069		422.069	
	Thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	518.533		518.533	
	Huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	395.740		395.740	
	Huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	470.062		470.062	
	Huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	516.729		516.729	

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH VIỆT HÂN 2016-2020

Nguồn vốn nước ngoài (ODA)

(Kèm theo Tờ trình số 3458/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (100%-HĐND)	Ước kiến điều chỉnh KHĐTC 2016-2020	Thay đổi (Tăng/Giảm) (+/-)
	TỔNG SỐ (A+B)		3.000.832	3.958.451	957.619
A	Vốn bố trí (90%)		3.000.832	3.958.451	957.619
I	Môi trường		2.919.176	3.876.795	957.619
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	2.800.000	3.424.193	624.193
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	119.176	452.602	333.426
II	Giáo dục		81.656	81.656	0
3	Nhà xưởng thực hành Trường trung cấp nghề Việt Hân Bình Dương	Trường Trung cấp nghề Việt Hân Bình Dương	81.656	81.656	0

Phụ lục VIII

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH 2016-2020

Nguồn Vốn Ngân sách trung ương và Vốn trong nước

(Kèm theo Tờ trình số 3158/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ-HĐND)	Dự kiến KH điều chỉnh ĐTC 2016-2020
	TỔNG SỐ (A+B)		154.214	154.214
A	Vốn bố trí (90%)		154.214	154.214
I	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu		148.230	148.230
1	Tuyến đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	84.000	84.000
2	Xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	64.230	64.230
II	Vốn hỗ trợ cho người có công cách mạng về nhà ở		5.984	5.984
B	Dự phòng (10%)			

Phụ lục IX
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG MỚI
(Kèm theo Tờ trình số 3158/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Dự kiến KH điều chỉnh đầu tư công trung hạn	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ (I+II+III)	2.497.193		
I	THỰC HIỆN DỰ ÁN	478.916		
1	Quy hoạch Kinh tế Xã hội tỉnh	50.000		
2	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	30.500	Sở Nội vụ	
3	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	205.000	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	
4	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	11.500	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	
5	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trù Văn Thố huyện Bàu Bàng	5.100	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	
6	Triển khai Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn 1	36.000	Sở Thông tin Truyền thông	
7	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	10.500	Sở VHTTDL	Thực hiện dự án theo nội dung phê duyệt chủ trương đầu tư
8	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 3: Khu dịch vụ)	10.500	Sở VHTTDL	
9	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	10.500	Sở VHTTDL	
10	Đầu tư trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Phú Giáo	9.399	UBND huyện Phú Giáo	Đã cấp phát năm 2016, KBNN báo giải ngân vượt
11	Trường trung học cơ sở An Điền giai đoạn 2	20.470	UBND Tx Bến Cát	Theo công văn 1909/UBND-KTTH ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh
12	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	36.010	UBND huyện Dầu Tiếng	Theo công văn 2929/UBND-KTTH và 2243/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
13	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	15.000	UBND Phú Giáo	Theo công văn 2929/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
14	Trường mầm non Thạnh Phước	11.137	UBND Tân Uyên	Theo công văn 2929/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
15	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	17.300	UBND huyện Dầu Tiếng	Theo công văn 2929/UBND-KTTH và 2243/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
II	BỔ SUNG DỰ ÁN THANH QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH	3.691		
16	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	160	Ban QLDA tỉnh	
17	Xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp	678	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
18	Thoát nước đập Từ Văn 1, Từ Văn 2 và vùng hạ du sau đập	35	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
19	Đắp tôn cao đê bao Tân An	58	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
20	Khu tái định cư phục vụ cho việc giải tỏa trắng thuộc Dự án thoát nước và xử lý nước thải Nam Bình Dương và Dự án hệ thống thoát nước thị xã Thủ Dầu Một giai đoạn II (Dự án khu tái định cư Chánh Nghĩa)	802	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
21	Đắp tôn cao mặt đê bao ấp Mỹ Hào 1 thuộc hệ thống đê bao Chánh Mỹ	165	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
22	Đắp tôn cao mặt đê bao ấp Mỹ Hào 2	52	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
23	Hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu	93	Sở NN và PTNT	
24	Hệ thống tiêu nước Sóng Thần - Đồng An	138	Sở NN và PTNT	
25	Mở rộng tuyến ống cấp nước tập trung xã Tân Hiệp	152	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	
26	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749A đoạn từ ngã tư Minh Hòa đến lòng hồ Dầu Tiếng	587	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	
27	Xây dựng cầu bê tông An Linh - An Long	771	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	
III	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ TRONG 2016-2020, THỰC HIỆN SAU NĂM 2020 HOẶC KHI CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN	954.586		
28	Xóa diện kê dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	84.000	UBND huyện Phú Giáo	
29	Xây dựng khu Tái định cư An Thạnh, thị xã Thuận An	2.000	UBND Tx Thuận An	
30	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	1.000	UBND huyện Bắc Tân Uyên	
31	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	1.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
32	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn Ngã Ba Cống đường Thích Quảng Đức (từ Ngã Ba Cống đến cầu Bà Hên)	500	Sở Nông nghiệp và PTNT	
33	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động, trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	30.000	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	
34	Dự án giải phóng mặt bằng Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	81.000	UBND thành phố Thủ Dầu Một	

STT	Danh mục	Dự kiến KH điều chỉnh đầu tư công trung hạn	Chủ đầu tư	Ghi chú
35	Dự án giải phóng mặt bằng Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	81.000	UBND thị xã Thuận An	
36	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	5.000	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
37	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực phường Uyên Hưng và phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	5.000	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	
38	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	1.000	UBND Tx Thuận An	
39	Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân tại các vị trí có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên	68.000	UBND huyện Bắc Tân Uyên	
40	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn, thị xã Thuận An	2.000	UBND thị xã Thuận An	
41	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến Tào lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	403.862	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	
42	Xây dựng đường Tào lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn qua huyện Bàu Bàng)	1.500	UBND huyện Bàu Bàng	
43	Xây dựng đường Tào lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn qua huyện Phú Giáo)	1.500	UBND huyện Phú Giáo	
44	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thổ Ngựa đến rạch Bảy Tra), phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một	50.500	UBND thành phố Thủ Dầu Một	
45	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động số 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	9.000	UBND thị xã Bến Cát	
46	Xây dựng Tượng đài Trung tâm, nhà bia (nội dung viết văn bia), các hạng mục công trình phục chế, tranh tượng, phù điêu Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	500	Sở VHITDL	Theo Quyết định 1216/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh
47	Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực văn hóa tưởng niệm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	1.500	Ban QLDA tỉnh	Theo Quyết định 1216/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh
48	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	2.050	UBND Phú Giáo	Theo công văn 3409/UBND-VX ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh
49	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	12.100	UBND Thủ Dầu Một	Theo công văn 2929/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
50	Xây dựng mới bổ sung nhà đa năng Trường trung học cơ sở Chánh Nghĩa	500	UBND Thủ Dầu Một	
51	Xây dựng mới bổ sung hội trường và nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	13.100	UBND Thủ Dầu Một	
52	Trường tiểu học Định Hòa 2	18.200	UBND Thủ Dầu Một	
53	Trường TH Tân Bình B	3.216	UBND Dĩ An	
54	Trường THCS Mỹ Thạnh.	1.200	UBND Bến Cát	
55	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	600	UBND Tân Uyên	
56	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	500	UBND Dầu Tiếng	
57	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	500	UBND Dầu Tiếng	
58	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	1.000	UBND Phú Giáo	
59	Trường mầm non Tân Hưng	100	UBND Bàu Bàng	
60	Trường mầm non Hưng Hòa	100	UBND Bàu Bàng	
61	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	100	UBND Bàu Bàng	
62	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	1.000	UBND Bắc Tân Uyên	
63	Trường tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	10.500	UBND Bắc Tân Uyên	
64	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	12.500	UBND Bắc Tân Uyên	
65	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 đoạn từ xã Thanh An đến Định Hiệp - giai đoạn 2	200	UBND Dầu Tiếng	
66	Trường Trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	31.500	Ban QLDA & ĐTXD tỉnh	Theo công văn 4599/UBND-VX ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh
67	Đầu tư tuyến đường vào Khu Di tích lịch sử Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh	1.000	UBND huyện Dầu Tiếng	Theo công văn 788/UBND-KTTH ngày 26/2/2019 của UBND tỉnh
68	Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh phục vụ triển khai Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh giai đoạn 2017 - 2018	500	Sở Thông tin Truyền thông	Thực hiện dự án theo nội dung phê duyệt chủ trương đầu tư
69	Trường tiểu học An Phú 2	1.000	UBND Tx Thuận An	Theo công văn 2929/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
70	Trường tiểu học An Tây B (gđ 2)	500	UBND Tx Bến Cát	Thực hiện tiếp giai đoạn 2 dự án
71	Trường mầm non Hoa Mai 2	1.000	UBND Tx Thuận An	Theo công văn 2929/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
72	Trường tiểu học Minh Tân	1.000	UBND huyện Dầu Tiếng	
73	Trường tiểu học Minh Hòa	500	UBND huyện Dầu Tiếng	
74	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	1.000	UBND huyện Dầu Tiếng	
75	XD bổ sung phòng học Trường THPT Bàu Bàng	1.000	UBND huyện Bàu Bàng	
76	XD bổ sung phòng học Trường TH Tân Hưng	1.000	UBND huyện Bàu Bàng	
77	Cải tạo, NCMR trường THCS Lai Hưng	1.000	UBND huyện Bàu Bàng	
78	Quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Xây dựng mới Trường THPT chuyên Hùng Vương	1.000	Ban QLDA & ĐTXD tỉnh	Theo công văn 2307/UBND-KTN ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh

STT	Danh mục	Dự kiến KH điều chỉnh đầu tư công trung hạn	Chủ đầu tư	Chức vụ
79	Quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	446	Sở LĐTBXH	
80	Xây dựng mới thư viện tỉnh	500	Sở VH-TTDL	Theo công văn 711/UBND-KTTH ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh
81	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học phổ thông Tây Nam	500	UBND Tx Bến Cát	Theo công văn 2929/UBND-KTTH ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh
82	Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Phước Sang	200	UBND huyện Phú Giáo	
83	Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học An Long	200	UBND huyện Phú Giáo	
84	Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Tân Hiệp	200	UBND huyện Phú Giáo	
85	Trường Mầm non An Thái	100	UBND huyện Phú Giáo	
86	Xây dựng bổ sung phòng học Trường tiểu học Kim Đồng	3.112	UBND huyện Bàu Bàng	
IV	DỰ ÁN BỔ SUNG SỬ DỤNG VỐN KẾT DƯ TỪ NGUỒN CÁCH TIỀN LƯƠNG	1.060.000		
87	Xây dựng THCS Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - tiểu học Kim Đồng, phường Hiệp An	60.000	UBND Tp Thủ Dầu Một	
88	Xây dựng TH Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - mầm non Hoa Sen, phường Tương Bình Hiệp	60.000	UBND Tp Thủ Dầu Một	
89	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	60.000	UBND Tx Thuận An	
90	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	220.000	UBND Tx Thuận An	
91	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	53.000	UBND Tx Thuận An	
92	Xây dựng đường từ đường Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	150.000	UBND Tx Dĩ An	
93	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 425	158.000	UBND Tx Tân Uyên	
94	Xây dựng Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Tân Uyên	32.000	UBND Tx Tân Uyên	
95	Xây dựng Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	27.000	UBND huyện Bắc Tân Uyên	
96	Trường Tiểu học Mỹ Phước II	65.000	UBND Tx Bến Cát	
97	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	50.000	UBND huyện Phú Giáo	
98	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	45.000	UBND huyện Phú Giáo	
99	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	50.000	UBND huyện Dầu Tiếng	
100	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	30.000	UBND huyện Dầu Tiếng	

Phụ lục X
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGỪNG BỐ TRÍ DANH MỤC TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 3158/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số vốn không bố trí	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		14.000	
I	NGỪNG BỐ TRÍ DANH MỤC DO CHUYỂN NGUỒN		6.000	
1	Đầu tư Nhà làm việc Chi cục quản lý thị trường huyện Bàu Bàng	Sở Công thương	500	
2	Đầu tư Nhà làm việc Chi cục quản lý thị trường huyện Bắc Tân Uyên.	Sở Công thương	500	
3	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình của căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật cơ bản khu vực phòng thủ	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	5.000	
II	DO CHỦ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ		8.000	
4	Lập dự án khảo sát, nghiên cứu đánh giá tổng thể tác động của địa chất, địa hình thủy văn dòng chảy của sông Sài Gòn	Sở Tài nguyên Môi trường	100	
5	Xây dựng đường từ Quốc lộ 13 đến đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	
6	Xây dựng cầu vượt tại nút giao ĐT743 (Phú Lợi) và Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	
7	Đường ĐH 619	UBND huyện Bàu Bàng	500	
8	Đường ĐH 623	UBND huyện Bàu Bàng	500	
9	Khu di tích CM và du lịch sinh thái Hồ Lang - gđ 2	UBND Tx Dĩ An	100	
10	Xây dựng mới đường ĐH 613	UBND huyện Bàu Bàng	800	

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
CHỦ ĐẦU TƯ 09 HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VÀ MỘT SỐ CHỦ ĐẦU TƯ KHÁC



STT	Danh mục	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KHĐTC công trung hạn			Tỷ lệ % so với vốn ngân sách địa phương
			Số dự án	Nhu cầu trung hạn (chủ đầu tư)	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
	TỔNG SỐ	27.751.859	649	36.976.364	39.681.859	
	09 huyện, thị xã, thành phố	14.605.744	353	18.369.778	19.842.904	50,00
1	UBND Tp Thủ Dầu Một	3.179.407	56	3.850.640	4.142.720	10,44
2	UBND Tx Thuận An	1.978.503	34	3.052.394	3.351.621	8,45
3	UBND Tx Dĩ An	2.088.334	34	2.541.632	2.851.248	7,19
4	UBND Tx Tân Uyên	1.683.575	42	1.869.137	2.140.503	5,39
5	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1.149.739	28	1.471.596	1.621.589	4,09
6	UBND Tx Bến Cát	1.206.493	32	1.558.338	1.516.723	3,82
7	UBND huyện Bàu Bàng	1.245.219	49	1.506.747	1.496.086	3,77
8	UBND huyện Phú Giáo	1.056.545	42	1.341.590	1.438.722	3,63
9	UBND huyện Dầu Tiếng	1.017.929	36	1.177.705	1.283.692	3,23
	Các chủ đầu tư khác	13.152.210	296	18.606.585	19.838.955	50,00
10	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	7.610.482	78	11.613.762	12.706.590	32,02
11	Ban QLDA chuyên ngành nước thải	2.141.637	11	2.298.064	2.210.037	5,57
11	Công ty CP nước và môi trường Bình Dương	73.083	11	106.620	85.372	0,22
12	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	620.175	9	1.252.205	1.333.906	3,36
13	Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	206.805	25	222.844	253.560	0,64
14	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	213.966	21	234.230	234.230	0,59
15	Công an tỉnh	1.344.721	49	1.631.754	1.529.151	3,85
16	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	85.992	8	101.726	103.072	0,26
17	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch	51.974	22	153.030	181.315	0,46
18	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	168.313	5	287.429	373.913	0,94

STT	Danh mục	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn			Tỷ lệ % so với vốn ngân sách địa phương
			Số dự án	Nhu cầu trung hạn (chủ đầu tư)	KH điều chỉnh ĐTC trung hạn	
19	Trường Cao đẳng Y tế	98.919	2	102.301	98.306	0,25
20	Liên đoàn Lao động	96.071	2	96.071	96.071	0,24
22	Bệnh viện Điều dưỡng Phục hồi chức năng	2.614	3	7.520	11.754	0,03
23	Sở Giáo dục & Đào tạo	350	1	350	350	0,00
24	Trường cao đẳng nghề Việt - Hàn	21.822	2	21.701	21.701	0,05
25	Hội Nông dân	448	1	448	448	0,00
26	Sở Thông tin Truyền thông	66.792	6	100.567	104.402	0,26
27	Sở Tài nguyên & Môi trường	36.990	4	37.663	37.376	0,09
28	Báo Bình Dương	5.246	3	6.474	5.246	0,01
29	Sở Khoa học Công nghệ	11.348	4	9.695	9.650	0,02
30	Tỉnh đoàn Bình Dương	13.578	4	15.023	13.578	0,03
31	Sở Lao động Thương binh & Xã hội	75.738	4	58.443	162.446	0,41
32	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	4.780	1	4.780	4.780	0,01
33	Sở Giao thông Vận tải	60.709	1	60.709	60.709	0,15
34	Trường Cao đẳng nghề VN - SIN	7.410	2	6.923	6.923	0,02
35	Lữ đoàn 429 – Bộ Tư lệnh đặc công	735	1	735	735	0,00
36	Bệnh viện Y học cổ truyền	4.581	1	4.581	4.581	0,01
37	Tiểu đoàn đặc công 60/Bộ tham mưu Quân khu 7	48.650	1	48.650	48.650	0,12
38	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh	16.200	1	17.680	16.680	0,04

STT	Danh mục	KHĐTC 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Dự kiến điều chỉnh KH đầu tư tổng trung hạn			Tỷ lệ % so với vốn ngân sách địa phương
			Số dự án	Nhu cầu trung hạn (chủ đầu tư)	KH đầu trung hạn chính ĐTQ trung hạn	
39	Trung tâm quản lý KTX sinh viên	5.984	1	5.984	5.984	0,02
40	Sở Kế hoạch & Đầu tư	7.478	2	5.439	6.844	0,02
41	Văn phòng tỉnh ủy	17.522	1	17.103	16.790	0,04
42	Sở Xây dựng	17.700	1	18.503	18.503	0,05
43	Ban quản lý rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	3.787	1	3.787	3.787	0,01
44	Trường ĐH Thủ Dầu Một	776	3	1.052	20.776	0,05
45	Sở Nội vụ	0	1	30.500	30.500	0,08
46	Sở Y tế	39	1	39	39	0,00
47	Sở Công thương	1.000	0	0	0	0,00
48	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Bình Dương	200	1	200	200	0,00
49	Đội Thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	1.500	1	22.000	20.000	0,05

PHỤ LỤC

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN KẾT DƯ TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Tờ trình số 3158/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (lần 2)
	TỔNG SỐ (A+B)	19		1.500.000
A	Vốn tỉnh tập trung (I+II)	5		440.000
I	Hạ tầng Văn hóa - Xã hội	2		168.000
1	Mở rộng Trung tâm giáo dục lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	94.000
2	Trường Trung học phổ thông Thái Hòa	1	UBND Tx Tân Uyên	74.000
II	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	3		272.000
3	Mở mới đường đê bao dọc rạch Bà Cô (theo quy hoạch phân khu là đường N8)	1	UBND Tp. Thủ Dầu Một	110.000
4	Đường Tạo lực 6 nối dài (Đại lộ Bình Dương đến nút giao Phan Đăng Lưu và đường Huỳnh Thị Châu)	1		100.000
5	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên ấp 1-5), phường Phú Mỹ	1		62.000
B	Vốn ngân sách cấp huyện (I+II+...+VIII)	14		1.060.000
I	THỦ DẦU MỘT (VB 1268/UBND-KT ngày 14/06/2019)	2		120.000
6	Xây dựng THCS Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - tiểu học Kim Đồng, phường Hiệp An	1	UBND Tp. Thủ Dầu Một	60.000
7	Xây dựng TH Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - mầm non Hoa Sen, phường Tương Bình Hiệp	1		60.000
II	THUẬN AN (VB 120/BC-UBND ngày 14/06/2019)	3		333.000
8	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	1	UBND Tx. Thuận An	60.000
9	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	1		220.000
10	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	1		53.000
III	DĨ AN (VB 1363/UBND-KT ngày 14/06/2019)	1		150.000
11	Xây dựng đường từ đường Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	1	UBND Tx Dĩ An	150.000
IV	TÂN UYÊN (2639/TTr-UBND ngày 13/06/2019)	2		190.000
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 425	1		158.000

STT	Danh mục	Số dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (lần 2)
13	Xây dựng Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Tân Uyên	1	UBND Tx Tân Uyên	32.000
V	BẮC TÂN UYÊN (VB 128/BC-UBND ngày 11/06/2019)	1		27.000
14	Xây dựng Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	1	UBND huyện Bắc Tân Uyên	27.000
VI	BẾN CÁT (VB 98/BC-UBND ngày 10/06/2019)	1		65.000
15	Trường Tiểu học Mỹ Phước II	1	UBND Tx Bến Cát	65.000
VII	PHÚ GIÁO (68/TTr-UBND ngày 18/06/2019)	2		95.000
16	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	1	UBND huyện Phú Giáo	50.000
17	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	1		45.000
VIII	DẦU TIẾNG	2		80.000
18	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	1	UBND huyện Dầu Tiếng	50.000
19	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	1		30000

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
NGUỒN VỐN KHÁC
(Kèm theo Tờ trình số 3/58/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KHĐT 2016-2020 (10/NQ- HĐND)	Tổng	Nguồn vốn khác
	TỔNG SỐ		2.294.239	4.944.112	4.240.000
I	HẠ TẦNG KINH TẾ		1.654.855	3.803.612	3.109.000
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	830.000	1.050.045	500.000
2	Nhóm công trình đường Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng				
2.1	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	667.255	980.000	904.000
2.2	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	403.862	400.000
3	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (Giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	150.100	263.000	255.000
4	Giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018-2021)	UBND thị xã Thuận An	4.500	765.705	715.000
5	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	136.000	135.000
6	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	0	205.000	200.000
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		639.384	1.140.500	1.131.000
1	Nhóm công trình Bệnh viện 1.500 giường		639.384	1.140.500	1.131.000
1.1	Khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	202.524	342.000	340.000
1.2	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch các Bệnh viện và một số công trình Nhà nước. (gđ 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	67.400	92.000	91.000
1.3	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	369.460	706.500	700.000